



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)  
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY  
TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM  
NGUYỄN THỊ NGỌC THUÝ – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

# Bài tập **NGỮ VĂN**

**10**

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRẦN LÊ DUY

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM

NGUYỄN THỊ NGỌC THÚÝ – TRẦN LÊ HOA TRANH – ĐOÀN THỊ THU VÂN

# Bài tập **NGỮ VĂN**



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**



# LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Qua hơn 9 năm học tập, trải nghiệm trong nhà trường, giờ đây hẳn là các bạn đã hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của phương châm “Học đi đôi với hành”. Với mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực cho người học của Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phương châm ấy lại càng được đề cao.

Sách *Bài tập Ngữ văn 10*, bộ *Chân trời sáng tạo* được nhóm tác giả biên soạn với mong muốn giúp các bạn vận dụng những tri thức đã học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10* (NXB Giáo dục Việt Nam, 2022) vào đọc hiểu các văn bản, làm các bài tập tiếng Việt cũng như thực hành viết, nói và nghe các kiểu bài để từ đó tự củng cố, nâng cao các kỹ năng đọc, viết, nói – nghe.

Sách gồm hai tập: tập một có 5 bài, tập hai có 4 bài tương ứng với các chủ điểm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*. Mỗi bài gồm có hai phần: phần thứ nhất trình bày hệ thống các bài tập thực hành *đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe*; phần thứ hai hướng dẫn cách làm bài tập và gợi ý câu trả lời. Bên cạnh hệ thống bài tập mở rộng, sách có nêu lại một số bài tập chọn lọc từ sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, nhằm mang lại cho các bạn các hình thức luyện tập đa dạng mà vừa súc, qua đó, giúp các bạn từng bước nâng cao các kỹ năng mà chương trình yêu cầu.

Chúc các bạn luyện tập hiệu quả và có nhiều niềm vui trong học tập!

NHÓM TÁC GIẢ

## MỤC LỤC

BÀI 6: NÂNG NIU KỈ NIỆM (THƠ) .....	5
BÀI 7: ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI).....	24
BÀI 8: ĐẤT NUỐC VÀ CON NGƯỜI (TRUYỀN) .....	40
BÀI 9: KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN).....	58



## BÀI 6

# NÂNG NIU KỈ NIỆM (THƠ)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo mà người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị đạo đức, văn hoá từ văn bản; nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm văn học đối với quan niệm, cách nhìn, cách nghĩ và tình cảm của người đọc; thể hiện được cảm xúc và sự đánh giá của cá nhân về tác phẩm.
- Nhận biết được lỗi về trật tự từ và cách sửa.
- Viết được văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học (theo lựa chọn cá nhân); nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.
- Biết trân trọng, gìn giữ những kỉ niệm, đồng thời có trách nhiệm với hiện tại và tương lai.

### PHẦN 1. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

#### I. ĐỌC

##### A. Bài tập trong SGK

1. Đọc văn bản *Chiếc lá đầu tiên* (Hoàng Nhuận Cầm) trong SGK *Ngữ văn 10*, tập hai và trả lời các câu hỏi sau:

- a. Nhận xét về điểm chung và tác dụng của những hình ảnh được tác giả sử dụng trong ba khổ đầu của bài thơ.
- b. Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Dựa vào đâu mà bạn có thể xác định được như vậy?
- c. Trình bày một thông điệp mà bạn tâm đắc nhất được rút ra từ việc đọc bài thơ. Lí giải vì sao bạn chọn thông điệp ấy.

2. Đọc văn bản *Tây Tiến* (Quang Dũng) trong SGK *Ngữ văn 10*, tập hai và trả lời các câu hỏi sau:

a. Nhận xét về tác dụng của cách gieo vần trong hai dòng thơ sau:

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!*

*Nhớ về rừng núi nhớ chơi voi*

b. Hình ảnh thiên nhiên và con người được gọi nhớ qua kỉ niệm về đoàn quân Tây Tiến ở đoạn 2 có điểm gì tương đồng và khác biệt so với đoạn 1?

c. Chọn một nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh của tác giả ở đoạn 3 và lí giải về sự lựa chọn ấy.

d. Việc khắc họa hình ảnh người lính ở đoạn 3 đã được chuẩn bị từ các đoạn thơ trước như thế nào?

### B. Bài tập mở rộng

1. Đọc văn bản *Tình ca ban mai* và trả lời các câu hỏi bên dưới:



Em đi như chiều đi  
Gọi chim vườn bay hết

Em về, tựa mai về  
Rừng non xanh lộc biếc

Em ở, trời trưa ở  
Nắng sáng màu xanh che

Tình em như sao khuya  
Rải hạt vàng chi chít

Sợ gì chim bay đi  
Mang bóng chiều bay hết

Tình ta như lộc biếc  
Gọi ban mai lại về  
  
Dù nắng trưa không ở  
Ta vẫn còn sao khuya  
  
Hạnh phúc trên đầu ta  
Mọc sao vàng chỉ chít  
  
Mai, hoa em lại về...

(In trong *Thơ Việt Nam 1954 – 1964*

(Mã Giang Lân sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu), NXB Giáo dục, 1997)

- a. Xác định các biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong ba khổ thơ đầu và nhận xét về sự độc đáo của chúng.
- b. Quan hệ nhân quả giữa tình yêu và hạnh phúc được thể hiện như thế nào trong năm khổ thơ tiếp theo?
- c. Bạn có nhận xét gì về cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, số ít “em”, “tình em” đến cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, số nhiều “ta”, “tình ta” và các động từ chỉ hành động trong các khổ thơ?
- d. Tìm những hình ảnh biểu tượng cho tình yêu, hạnh phúc được sử dụng trong bài thơ. Bạn có nhận xét gì về những biểu tượng đó?
- đ. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ này là gì? Cảm hứng đó gợi cho bạn suy nghĩ gì về tình yêu được thể hiện trong bài thơ?
- e. Bài thơ có cấu tạo khá đặc biệt, mỗi khổ thơ gồm hai dòng thơ, riêng khổ cuối chỉ có một dòng. Cách cấu tạo ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm hứng chủ đạo của bài thơ?
- f. Theo bạn, nhan đề bài thơ *Tình ca ban mai* có phù hợp với nội dung bài thơ không? Giải thích ý kiến của bạn.
- g. Bài thơ gợi cho bạn suy nghĩ gì về tình yêu?

2. Đọc văn bản *Hà nội – phố* và trả lời các câu hỏi bên dưới:

## HÀ NỘI – PHỐ<sup>1</sup>

*Gửi những người Hà Nội đi xa*

Phan Vũ

1.

Em ơi! Hà Nội – Phố!  
Ta còn em mùi hoàng lan  
Ta còn em mùi hoa sữa  
Tiếng giày ai gõ nhịp đường khuya  
Cột kèt bước chân quen  
Thang gác thời gian  
Mòn thân gỗ.  
Ngôi sao lẻ lạc vào căn xếp nhỏ  
[...]  
Khuôn mặt ai  
Đứng trong khung cửa  
Những phong thư bỏ quên trong hộc tủ  
Không tên người  
Không tên phố  
Người gửi không tên  
Ta còn em chút vang động lặng im  
Âm âm<sup>2</sup> tiếng gọi  
Trong lòng phố

2.

Em ơi! Hà Nội – Phố!  
Ta còn em một gốc cây

<sup>1</sup> *Hà Nội – Phố* là một bài thơ dài của nhà thơ Phan Vũ, gồm 23 đoạn thơ, 433 dòng thơ được sáng tác vào tháng Chạp năm 1972, khi Mỹ đưa hàng trăm máy bay B52 và các loại máy bay khác thả mìn vạn tấn bom xuống Hà Nội nhằm huỷ diệt Thủ đô. Nhạc sĩ Phú Quang đã chọn 21 dòng trong bài thơ này để phổ nhạc và đặt tên bài hát là *Em ơi, Hà Nội phố*. Năm 2008, nguyên tác bài thơ được in trong tập *Phan Vũ – thơ* (NXB Văn học). Phần được trích dưới đây là 5 đoạn đầu của tác phẩm.

<sup>2</sup> Âm âm: âm u.

Một cột đèn  
Ai đó chờ ai?  
Tóc cắt ngang  
Xoã xoã bờ vai

Khung trời gió  
Con đường như bỏ ngỏ

Ta còn em khăn choàng màu tím đỏ  
Thoáng qua  
Khuôn mặt chưa quen  
Bỗng xôn xao nỗi khổ  
Mỗi góc phố một trang tình sử...

3.

Em ơi! Hà Nội – Phố!  
Ta còn em rì rào con mưa trong chùm lá  
Những hạt nhỏ đọng trên mái tóc ai  
Vòm trên cao chuông hồi đổ xuống  
Nhà thờ Cửa Bắc  
Tan chiều lê  
Kinh cầu còn mãi ngân nga

Ta còn em đôi mắt buồn  
Dỗi cánh chim xa  
Trên hè phố  
Gã Trương Chi ôm ghi ta  
Ngược lên cửa sổ  
Một ngày nào  
Trống không ô cửa  
Tiếng hát Trương Chi  
Ngợi một số nhà  
Ta còn em chuyến tàu khuya  
Về muộn  
Vào ga...

4.

Em ơi! Hà Nội – Phố!  
Ta còn em quả bóng lăn  
Một mình  
Trên sân cỏ.

Con mua đầy  
Chiếc thuyền giấy  
Lang thang không bến đỗ  
Thằng bé qua tuổi thơ  
Bâng khuâng  
Vội vã

Ta còn em cánh cửa sắt  
Lâu ngày không mở  
Nhà ai  
Qua đó  
Nao nao nhớ tuổi học trò...

Ta còn em dàn thiên lí chết khô  
Những chùm hoa năm xưa  
Thơm hò hẹn  
Cuộc tình đầu ngọt lịm.  
Nụ hôn còn xanh mãi trên môi...

5.

Em ơi! Hà Nội – Phố!  
Ta còn em chuỗi cười vừa dứt  
Chút nắng còn le lói vườn hoang  
Vàng vàng cỏ  
Cô gái nhẹ buông rèm cửa  
Chàng mũ lệch diễu<sup>1</sup> qua

<sup>1</sup> Diễu: đi qua trước mặt nhằm để cho mình thấy.

Lời tỏ tình hôm qua dang dở  
Ta còn em ngày vui cũ  
Tàn theo mùa hạ  
Tiếng ghi ta  
Bập bùng tự sự  
Đêm kinh kì  
Thứa ấy  
Xanh lơ...

[...]

Hà Nội, tháng Chạp 1972  
(In trong tập *Phan Vũ – Thơ*, NXB Văn học 2008)

- a. Theo bạn, “em” và “ta” trong văn bản trên nên được hiểu là ai? Hãy lí giải. Việc sử dụng từ “em” cho thấy điều gì trong cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả?
- b. Năm đoạn thơ trong văn bản trên, nếu không đánh số từ 1 đến 5, bạn có nhận ra ranh giới của chúng hay không? Vì sao?
- c. Thơ là tiếng nói của tâm hồn, mang sức sống, vẻ đẹp của tâm hồn. Cảnh vật, con người, sự việc,... khi được đưa vào thơ, luôn mang một vẻ đẹp khác, một sức sống khác, gắn với tâm hồn nhà thơ. “Hà Nội – phố” cũng vậy khi vào thơ Phan Vũ?
- d. Trong văn bản, hình ảnh Hà Nội xưa và nay (thời điểm tháng Chạp năm 1972, khi máy bay B52 của Mỹ bắn phá thủ đô) được miêu tả đan xen. Việc sắp xếp hình ảnh như vậy đã đem lại hiệu quả thẩm mĩ gì?
- đ. Văn bản trên thuộc thể thơ tự do. Từ việc xác định các yếu tố nhịp và vần (nếu có) trong các đoạn thơ, hãy rút ra một vài điểm đáng lưu ý về đặc điểm, vai trò của nhịp và vần trong thể thơ này.
- e. Cảm hứng chủ đạo mà tác giả thể hiện qua văn bản trên là gì? Bạn có nhận xét gì về cảm hứng ấy?
- f. Bạn hãy nghe ca khúc *Em ơi, Hà Nội phố* của nhạc sĩ Phú Quang để hiểu thêm một cách cảm nhận bài thơ của Phan Vũ bằng âm nhạc. Giai điệu của bài hát đã góp phần mang đến cho bạn cảm nhận như thế nào về bài thơ?

- g. Từ những hình ảnh của Hà Nội được gọi lên trong đoạn thơ, bạn hiểu thêm điều gì về Hà Nội, về cảnh vật, con người và đất nước Việt Nam? Văn bản gợi cho bạn suy nghĩ gì về ý nghĩa của những giá trị văn hoá, lịch sử đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay?

## II. TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và sửa lỗi về trật tự từ trong các câu sau:

- Các nhân viên cứu hộ mang theo nhiều trang thiết bị phục vụ công tác cứu nạn đến từ Áo và Xlô-va-ki-a<sup>1</sup> khẩn trương tiếp cận với hiện trường của vụ lốc xoáy ở phía nam Cộng hoà Séc<sup>2</sup>.
- Để tiện lợi cho việc giao thương, người bán hàng trên chợ nổi có những lối rao hàng dân dã, thú vị mà giản tiện.
- Son búi đầu lặng im, sợ hãi, nép vào sau lưng chị.
- Ngọn khói nhẹ bỗng như tờ, màu xanh, quẩn trên mái lá.

2. Có học sinh khi làm bài nghị luận văn học về bài thơ *Tây Tiến* đã sửa câu thơ của Quang Dũng “Quân xanh màu lá dũ oai hùm” thành “Quân xanh màu lá dũ oai hùng”. Theo bạn, cách sử dụng từ ngữ ở trường hợp nào mang đến hiệu quả nghệ thuật cao hơn? Vì sao?

3. Giải thích hiệu quả biểu đạt của từ *tắm* được in đậm trong đoạn văn sau:

*Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.* (Trích *Dưới bóng hoàng lan*, Thạch Lam)

4. Chỉ ra hiệu quả của dấu chấm lửng trong câu kết của văn bản *Tình ca ban mai* (Chế Lan Viên):

*Mai, hoa em lại về...*

5. Phép điệp đã được sử dụng trong suốt năm đoạn thơ của văn bản *Hà Nội – Phố* (Phan Vũ). Hãy tìm và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của phép điệp trong văn bản trên.

<sup>1</sup> Xlô-va-ki-a (*Slovakia*): nước Cộng hoà Slovakia có biên giới giáp với Cộng hoà Séc (Czech) và Áo ở phía tây, Ba Lan ở phía bắc, U-crai-na (Ukraine) ở phía đông và Hung-ga-ri (Hungary) ở phía nam.

<sup>2</sup> Séc (*Czech*): nước Cộng hoà Séc.

### III. VIẾT

#### Bài tập

1. Kiểu bài viết văn bản *nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm trữ tình (thơ hoặc văn xuôi trữ tình)*: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng có những đặc điểm gì?
2. Bạn hãy viết một bài văn phân tích và đánh giá chủ đề, nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ và tác dụng của chúng.

Trước khi viết bài này, bạn hãy xác định:

- a. Nhan đề bài thơ mà bạn chọn là gì? Tác giả là ai?
- b. Chủ đề của bài thơ là gì?
- c. Bài thơ có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật?
- d. Bạn hãy lập dàn ý cho bài viết.

### IV. NÓI VÀ NGHE

#### Bài tập

Trường bạn sắp tổ chức một buổi sinh hoạt định kì của câu lạc bộ văn học, bạn được ban tổ chức mời giới thiệu và đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học cho các bạn cùng trường. Trước khi thực hiện việc này, bạn hãy xác định:

- Bạn được giao đề tài gì?
- Bạn sẽ trình bày bài nói đó ở đâu?
- Người nghe bài nói của bạn có thể gồm những ai? Họ mong muốn được nghe những gì?
  - Mục đích nói của bạn là gì?
  - Với đối tượng người nghe và mục đích đó, bạn nên chọn tác phẩm văn học thuộc đề tài gì, thể loại nào, nội dung thế nào để giới thiệu?
  - Tác phẩm bạn chọn có những đặc sắc gì về nội dung và nghệ thuật?
  - Để thu hút người nghe, bạn cần lưu ý những gì khi trình bày bài giới thiệu?

## **PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP**

### **I. ĐỌC**

#### **A. Bài tập trong SGK**

##### **Câu 1**

**Yêu cầu:** Đọc lại văn bản *Chiếc lá đầu tiên* (Hoàng Nhuận Cầm) và trả lời các câu hỏi.

**Gợi ý:**

a. Hệ thống hình ảnh xuất hiện trong ba khổ đầu của bài thơ: *hoa súng tím, chùm phượng hồng, tiếng ve trong veo, lớp học bàng khuất màu xanh rủ, sân trường đêm, trái bàng đêm*. Điểm chung là những hình ảnh ấy đều gợi liên tưởng đến thế giới học trò vô tư, hồn nhiên. Tác dụng của việc sử dụng hệ thống hình ảnh ấy là:

– Tạo nên thế giới hình ảnh thơ vừa thực (thế giới kí ức của tác giả) vừa mang tính biểu trưng (tiêu biểu cho trường lớp; tuổi hoa niên vừa rực rỡ, vừa ngây thơ, trong sáng).

– Góp phần thể hiện sự nhớ thương, tiếc nuối khi phải rời xa mái trường, phải chia tay tuổi hoa niên, sự trong trẻo của những rung động tình yêu đầu đời.

b. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ: ngợi ca pha lẩn tiếc nuối những kỉ niệm tuyệt đẹp của tuổi hoa niên, của tình yêu đầu đời. Căn cứ để xác định:

– Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả trong bài thơ: *xa rồi, yêu dấu, nhớ, biết mấy, các bạn ơi, ta ơi, ôi*.

– Những âm thanh, hình ảnh đặc biệt được dùng để thể hiện gián tiếp tình cảm của tác giả: *tiếng ve, tiếng cười, lớp học, cây bàng, hoa phượng, trò nghịch ngợm của tuổi học sinh, mái tóc bạc của thầy, màu tím của hoa súng, màu đỏ của hoa phượng, màu vàng của hoa muối...*

c. Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể trình bày những thông điệp khác nhau miễn là được rút ra dựa trên cơ sở đọc hiểu văn bản *Chiếc lá đầu tiên*; qua đó thể hiện được sự suy ngẫm và phản hồi của học sinh với những nội dung của văn bản.

## Câu 2

**Yêu cầu:** Đọc lại văn bản *Tây Tiến* (Quang Dũng) và trả lời các câu hỏi.

**Gợi ý:**

a. *Vần ơi* là một âm tiết hơi mở cùng với các thanh bằng trong hai dòng thơ đã tạo ra một âm hưởng kéo dài, lan rộng, gợi mở một tâm trạng, cảm xúc mênh mang, bâng khuâng, da diết đến vô cùng, vô tận.

b. Điểm tương đồng:

- Hình ảnh con người: mang vẻ đẹp lanh mạn.
- Hình ảnh thiên nhiên: mang vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình.

Điểm khác biệt:

- Hình ảnh con người: Vẻ đẹp của hình ảnh con người ở đoạn 2 là sự kết hợp giữa vẻ đẹp tâm hồn lanh mạn, hào hoa, lạc quan, yêu đời của người lính với vẻ đẹp đầy quyến rũ, tình tứ của những cô gái dân tộc miền Tây Bắc qua cái nhìn của những anh lính Tây Tiến.

- Hình ảnh thiên nhiên: Thiên nhiên miền Tây được tái hiện qua đoạn 2 là hình ảnh của một vùng sông nước thơ mộng, mờ nhòe, hư ảo với sự tương hợp, hài hòa giữa cảnh và người. Nét vẽ thiên nhiên ở đoạn 2 tinh tế, mềm mại hơn những đường nét ở đoạn 1.

c. Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể chọn một nét đặc sắc bất kì về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong đoạn 3 và lý giải hợp lí nét đặc sắc của từ ngữ, hình ảnh đã chọn.

d. Sự chuẩn bị cho việc khắc họa hình ảnh người lính từ những đoạn thơ trước đó: hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội và huyền ảo là cái nền để tô đậm vẻ đẹp, khí phách hào hùng của người lính Tây Tiến; cái nhìn đậm chất lanh mạn của người lính đối với thiên nhiên miền Tây, với những kỉ niệm tuyệt đẹp thăm tình quân dân → Tất cả góp phần tạo nên vẻ đẹp lanh mạn, bi tráng của hình ảnh người lính Tây Tiến.

## B. Bài tập mở rộng

### Câu 1

**Yêu cầu:** Đọc văn bản *Tình ca ban mai* (Chế Lan Viên) và trả lời các câu hỏi.

### *Gợi ý:*

a. Biện pháp: so sánh và xây dựng hình tượng thơ/ hình ảnh theo lối cấu trúc song hành.

So sánh: *em đi như chiều đi, em về tựa mai về* và *em ở, trời trưa ở*.

Cấu trúc song hành: *Em đi, em về, em ở*: gắn với ba thời điểm: *chiều, mai, trưa*, gắn với nỗi buồn, sự sống, ánh sáng: Em đi như mang theo chút ánh sáng buổi chiều, chỉ còn lại đêm đen, mang tất cả âm thanh của sự sống (gọi chim vườn bay hết), chỉ còn sự im lặng; em về đem theo bình minh, sự sống (rừng non xanh lộc biếc); em ở đem tới sự ấm áp, sự che chở (*nắng sáng màu xanh che*).

Nhận xét: Độc đáo ở hình ảnh so sánh đồng thời mang tính ẩn dụ: việc *em đi, về, ở* được so sánh với bước đi của thời gian: *chiều đi, mai về, trưa ở*. Các hình ảnh: *chim vườn bay hết, rừng non xanh lộc biếc, nắng sáng màu xanh che* tượng trưng cho nỗi buồn, bóng tối, niềm vui, ánh sáng mà em - tình yêu đem đến cho nhân vật trữ tình.

b. Tình em như thảm sao vàng lấp lánh trên trời sê xua tan bóng tối, tình ta như lộc biếc tươi xanh sê đem đến ánh bình minh. Vì thế, cho dù vạn vật biến thiên thế nào thì ta vẫn còn những hạt vàng tình yêu như sao trên trời và hạnh phúc của đôi ta nhiều như sao trên trời. Qua đó, tác giả khẳng định sức mạnh của tình yêu. Mọi hi vọng tốt đẹp nhất của hai nhân vật trữ tình được tập trung thể hiện trong hai câu thơ *Hạnh phúc trên đầu ta/ Mọc sao vàng chi chít*.

c. "Em", "tình em" đem đến cho nhân vật trữ tình ánh sáng của sự sống và niềm hạnh phúc; sự sống và niềm hạnh phúc đó được nhân đôi bởi "ta", "tình ta". Nhân vật trữ tình trong bốn khổ thơ đầu thể hiện tình cảm đối với khách thể "em", đến những khổ thơ sau thì khách thể và chủ thể trữ tình hòa nhập, trở thành "ta". Bài thơ sử dụng rất nhiều động từ "gọi, rải, mang, mọc". Qua các động từ đó, nhân vật trữ tình muốn khẳng định sức mạnh và vẻ đẹp tuyệt vời của tình yêu, tình yêu đem lại ánh sáng, sự sống, niềm tin, niềm hạnh phúc.

d. Có rất nhiều hình ảnh tượng trưng cho tình yêu, hạnh phúc được sử dụng trong bài thơ: tình em như *chiều đi, trưa ở, mai về, lộc biếc, hạt vàng, ban mai, hoa em*. Việc sử dụng những hình ảnh biểu tượng giúp tăng tính hàm súc và thẩm mĩ cho ý thơ.

đ. Cảm hứng chủ đạo của bài này là cảm hứng về một tình yêu trong sáng, đầy sức sống, niềm tin và hi vọng. Tình yêu trong bài thơ mang đến cho con người ánh sáng của sự sống, niềm tin và hi vọng.

e. Bài thơ gồm chín khổ thơ, tám khổ có 2 dòng thơ, riêng khổ cuối có 1 dòng. Mỗi khổ 2 dòng thơ là một cặp hình ảnh đối sánh các thời điểm trong ngày với những hình ảnh biểu tượng cho các cung bậc cảm xúc và nhận thức về tình yêu của tác giả: *chiều, mai, trưa, khuya*, đối sánh với *chim vườn bay hết, rừng non, lộc biếc, nắng sáng màu xanh, sao khuya, hạt vàng*. Dòng thơ ở khổ cuối khẳng định niềm tin, niềm hi vọng ở tình yêu.

f. Nhan đề rất hay, thể hiện được nội dung bài thơ, quan niệm, cách nhìn của tác giả về tình yêu. *Tình ca*: khúc hát về tình yêu. *Ban mai*: gợi lên hình ảnh rực rỡ, long lanh của nắng mai, của màu xanh, của sự sống.

g. Câu hỏi mở, không áp đặt câu trả lời.

## Câu 2

**Yêu cầu:** Đọc văn bản *Hà Nội – Phố* và trả lời các câu hỏi.

**Gợi ý:**

a. *Em*: không phải là hình ảnh một người cụ thể mà là tất cả những giá trị của Hà Nội, *Ta*: là chủ thể trữ tình xuất hiện với đại từ nhân xưng, “ta” ở đây cũng có thể được hiểu là tất cả những ai yêu Hà Nội. Trong thơ ca, “em” vốn dĩ là từ thường được dùng xung hô trong mối quan hệ của tình yêu đôi lứa; vậy nên cách tác giả sử dụng từ “em” trong văn bản này cho thấy trong cảm nhận của nhà thơ, Hà Nội tựa như người tình, người bạn tri kỉ. Đó là thứ tình cảm yêu thương đầy da diết, lưu luyến,...

b. Năm đoạn thơ trong văn bản trên nếu không đánh số từ 1 đến 5 thì người đọc vẫn có thể nhận ra ranh giới của chúng vì mỗi đoạn thơ đều có cùng một kiểu mở đầu là dòng thơ “Em ơi! Hà Nội – Phố!” và điệp ngữ “Ta còn em...”. Mỗi một đoạn thơ mở ra một hình ảnh khác nhau về Hà Nội.

c. Hình ảnh Hà Nội hiện lên qua cảm nhận của nhà thơ thật bình yên, lãng mạn, đầy thân thuộc, gắn bó và cũng có cả hoài niệm, tiếc nuối, xót xa,...

d. Hình ảnh xưa là hình ảnh Hà Nội của ngàn năm văn hiến, của cảnh vật thiên nhiên, của phố cổ thanh bình, ví dụ:

*Ta còn em mùi hoàng lan  
Ta còn em mùi hoa sữa  
Tiếng giày ai gõ nhịp đường khuya  
Cột kèt bước chân quen  
Thang gác thời gian  
Mòn thân gỗ.  
Ngôi sao lẻ lạc vào căn xếp nhỏ  
[...]  
Ta còn em rì rào cơn mưa trong chùm lá  
Những hạt nhỏ đọng trên mái tóc ai  
Vòm trên cao chuông hồi đồ xuống  
Nhà thờ Cửa Bắc  
Tan chiều lê  
Kinh cầu còn mãi ngân nga  
...*

Hình ảnh này là hình ảnh Hà Nội đau thương, mất mát, đôi lứa chia xa trong chiến tranh, ví dụ:

*Khuôn mặt ai  
Dùng trong khung cửa  
Những phong thư bỏ quên trong hộc tủ  
Không tên người  
Không tên phố  
Người gửi không tên  
[...]  
Ta còn em cánh cửa sắt  
Lâu ngày không mở  
[...]*

*Ta còn em dàn thiên lí chết khô*

[...]

*Cô gái nhẹ buông rèm cửa*

*Chàng mũ lệch diễu qua*

*Lời tỏ tình hôm qua dang dở*

...

Sự sắp xếp đan xen giữa hình ảnh Hà Nội xưa và nay đem đến cho người đọc cảm nhận về sự tiếc nuối, nhớ thương da diết những gì đã mất nhưng đồng thời thể hiện niềm tin, sự khẳng định những nét đẹp, giá trị làm nên linh hồn của Hà Nội thì mãi bất tử trong lòng những ai yêu Hà Nội. Chút biến động của Hà Nội nay (thời điểm năm 1972) là do thời cuộc (chiến tranh) nên chắc hẳn sẽ không thể làm mất đi những gì đã thuộc về Hà Nội.

d. Đoạn trích được viết theo thể thơ tự do, dòng dài, dòng ngắn, cách ngắt nhịp rất phong phú, linh hoạt; sử dụng chủ yếu hai loại vần thông và vần cách. Nhận xét: góp phần thể hiện giọng điệu tự sự, tha thiết, trầm lắng → Sự biến hoá linh hoạt về số dòng, số chữ trong dòng thơ, về vần, nhịp đáp ứng nhu cầu diễn đạt tình cảm không giới hạn của con người, giải phóng cảm xúc khỏi sự ràng buộc chặt chẽ bởi các quy tắc về hình thức, đề cao yếu tố cảm xúc trong thơ.

e. Cảm hứng chủ đạo: văn bản thể hiện niềm nhớ thương da diết cảnh vật, con người, linh hồn Hà Nội; đồng thời khẳng định mãi mãi khắc ghi trong tâm hồn những hình ảnh Hà Nội trước và trong chiến tranh, làm cho Hà Nội trở nên trường tồn trong lịch sử và trong tâm hồn (như điệp khúc bất tận của tâm hồn: "Ta còn em..."). Nhận xét: cảm hứng đẹp, buồn.

f. Câu trả lời gợi ý: Giai điệu bài hát có tính tự sự, trầm lắng, da diết, giúp người nghe cảm nhận một Hà Nội mơ màng, mong manh, yên bình, xưa cũ; thể hiện rõ niềm thương nhớ khôn nguôi, khao khát tìm kiếm lại những gì thân thương nhất thuộc về Hà Nội,...

g. Câu trả lời gợi ý: Từ những hình ảnh của Hà Nội được gọi lên trong đoạn thơ, hiểu thêm về Hà Nội với những giá trị lâng mạn, bình yên, thân thuộc, gần gũi, đầy dấu ấn thời gian và kí ức; về cảnh vật, con người và đất nước Việt Nam với những điều tưởng chừng như bé nhỏ, thân quen

nhưng cũng đầy mồi mẻ, thiêng liêng mỗi khi nghĩ về. → Những giá trị văn hoá, lịch sử của quê hương, đất nước ấy làm nên một phần tâm hồn ta, là tất cả những gì thân thương, yêu mến nâng đỡ tâm hồn ta mỗi khi tìm về,...

## II. TIẾNG VIỆT

### Câu 1

**Yêu cầu:** Chỉ ra và sửa lỗi về trật tự từ trong các câu.

**Gợi ý:**

– Câu a: Cụm từ “đến từ Áo và Xlô-va-ki-a” bị hiểu nhầm là phần bổ sung ý nghĩa cho cụm từ “trang thiết bị phục vụ công tác cứu nạn”, trong khi người viết muốn diễn đạt ý “Các nhân viên cứu hộ đến từ Áo và Xlô-va-ki-a”. Vì vậy, cách sắp xếp trật tự từ như trên khiến câu trở nên mơ hồ về nghĩa.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Các nhân viên cứu hộ đến từ Áo và Xlô-va-ki-a mang theo nhiều trang thiết bị phục vụ công tác cứu nạn, khẩn trương tiếp cận với hiện trường của vụ lốc xoáy ở phía nam Cộng hòa Séc.*

– Câu b: Trong câu này, việc sắp xếp các cụm từ “dân dã, thú vị nhưng giản tiện” không theo trật tự hợp lí. Người viết muốn nhấn mạnh đến đặc tính “thú vị” của lối rao hàng tuy “dân dã, giản tiện” trên chợ nổi, vì vậy cách sắp xếp trật tự từ như vậy chưa tạo được hiệu quả biểu đạt như người viết mong muốn.

→ Cách sửa: Sắp xếp lại trật tự từ để diễn đạt đúng nội dung muốn thể hiện: *Để tiện lợi cho việc giao thương, người bán hàng trên chợ nổi có những lối rao hàng dân dã, giản tiện mà thú vị.*

– Câu c: Trong câu này, việc sắp xếp các cụm từ “cúi đầu lặng im, sợ hãi, nép vào sau lưng chị” không theo trật tự hợp lí. Hai cụm từ “cúi đầu lặng im” và “nép vào sau lưng chị” miêu tả những biểu hiện cụ thể của trạng thái “sợ hãi”, vì vậy nên được đặt sau “sợ hãi” để giải thích rõ hơn cho trạng thái tâm lí ấy. Cách sắp xếp trật tự từ như trong câu trên là chưa phù hợp.

→ Cách sửa: *Sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị.*

– Câu d: Trong câu này, việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí khiến câu sai lô-gíc.

→ Cách sửa: *Ngọn khói màu xanh, nhẹ bỗng như tờ, cuốn trên mái lá.*

## Câu 2

**Yêu cầu:** Phân tích được hiệu quả thẩm mĩ của việc sử dụng từ *oai hùm* trong câu thơ “Quân xanh màu lá dữ oai hùm” của nhà thơ Quang Dũng.

**Gợi ý:** Cách sử dụng từ *oai hùm* trong câu thơ của Quang Dũng mang hiệu quả nghệ thuật cao hơn vì *oai hùm* không chỉ gợi được vẻ oai phong, lẫm liệt của những người lính Tây Tiến mà còn góp phần khẳng định: vẻ đẹp ấy mang sự dũng mãnh như những mãnh hổ làm chủ, ngự trị chốn rừng thiêng.

## Câu 3

**Yêu cầu:** Giải thích được hiệu quả biểu đạt của từ *tắm* trong đoạn văn.

**Gợi ý:**

Với bài tập này, học sinh nên đọc lại phần văn bản *Dưới bóng hoàng lan* có chứa đoạn ngũ liệu của bài tập, trên cơ sở đó xác định hiệu quả biểu đạt của các từ *tắm*.

– ...*tắm ở suối*: từ *tắm* được dùng để biểu đạt nghĩa gốc của từ là miêu tả hành động giội nước lên người hoặc ngâm mình trong nước cho sạch sẽ, mát mẻ.

– ...*tắm trong cái không khí tươi mát này*: trong trường hợp, từ *tắm* được dùng để biểu đạt nghĩa chuyển của từ với ý nghĩa là “đầm mình trong không khí tươi mát, dịu nhẹ, ngọt ngào của khu vườn và ngôi nhà thân thuộc”. Cách sử dụng từ *tắm* như vậy đã thể hiện được trọn vẹn niềm hạnh phúc của Thanh khi được trở về, dường như sự trở về đã giúp chàng có cơ hội để gột rửa, trút bỏ tất cả những lo toan, mệt nhọc của cuộc sống bên ngoài, đem đến cho chàng sự nhẹ nhõm, thanh thản và tươi mát trong tâm hồn. Cách dùng từ như vậy cũng khiến người đọc hiểu hơn về tình cảm của Thanh dành cho ngôi nhà của mình.

## Câu 4

**Yêu cầu:** Chỉ ra hiệu quả của dấu chấm lửng trong câu kết của văn bản *Tình ca ban mai* (Chế Lan Viên).

**Gợi ý:** Câu kết với dấu chấm lửng vừa thể hiện niềm tin vừa thể hiện niềm hi vọng của chủ thể trữ tình: rồi em lại về.

## Câu 5

**Yêu cầu:** Xác định phép điệp và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của phép điệp được sử dụng trong văn bản *Hà Nội – Phố* (Phan Vũ).

**Gợi ý:**

Điệp ngữ: *Em ơi! Hà Nội – Phố!, Ta còn em...* Hiệu quả của phép điệp thứ nhất: thể hiện tình cảm yêu thương tha thiết của tác giả đối với Hà Nội. Hiệu quả của phép điệp thứ hai: vừa thể hiện nỗi xót xa về những gì được gọi là kí ức Hà Nội đẹp đẽ, vừa khẳng định pha lẩn niềm mong mỏi vẻ đẹp lịch sử, văn hoá, con người của Hà Nội còn mãi,...

## III. VIẾT

### Bài tập

**Câu 1:** Bạn hãy đọc lại thông tin được đóng khung trong SGK và tóm tắt những đặc điểm của kiểu bài, sau đó, trả lời câu hỏi.

**Câu 2:** Hướng dẫn cách làm và gợi ý trả lời:

Để thực hiện nhiệm vụ trên, bạn hãy:

- Chọn bài thơ mà bạn yêu thích nhất, gợi cho bạn nhiều cảm xúc nhất.
- Đọc bài thơ nhiều lần, đọc thầm, đọc diễn cảm để cảm nhận vẻ đẹp của âm thanh, nhạc điệu.
- Xác định chủ đề của bài thơ.
- Xác định những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ, ví dụ: đặc sắc về kết cấu, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,... và tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.
- Lập sơ đồ dàn ý.
- Đọc kí bảng kiểm trong SGK để hiểu rõ yêu cầu đối với bài viết.
- Viết bài.
- Dùng bảng kiểm để tự kiểm tra bài viết, sau đó, điều chỉnh bài viết.

## IV. NÓI VÀ NGHE

### Bài tập

Để thực hiện nhiệm vụ trên, bạn hãy:

- Xác định rõ đề tài: giới thiệu và đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học.
- Bài nói được trình bày trong buổi sinh hoạt định kì của câu lạc bộ, có thể là trong hội trường của trường.
- Người nghe bài nói của bạn gồm các bạn học sinh và có thể có một số giáo viên. Đó là những người yêu thích đọc sách, đặc biệt là những tác phẩm mới, nội dung phù hợp với lứa tuổi của họ. Họ mong muốn được bạn giới thiệu những điểm hay, thú vị về nội dung và nghệ thuật của cuốn sách cũng như những ý kiến nhận xét, đánh giá của bạn về cuốn sách đó.
- Xác định mục đích nói của bạn.
- Với đối tượng người nghe và mục đích đó, bạn nên quan sát, hỏi thăm những người bạn cùng lớp, cùng nhóm xem họ thường thích đọc thể loại nào, nội dung gì để giới thiệu tác phẩm văn học mà họ quan tâm. Nhìn chung, bạn nên chọn một bài thơ hoặc một câu chuyện không quá dài về đề tài tình bạn, tình yêu gia đình, tình yêu tuổi học đường,... để giới thiệu.
- Xác định những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm và điền vào *Phiếu giới thiệu, đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học* (theo mẫu trong SGK).
- Đọc kĩ bảng kiểm *Bảng kiểm kĩ năng giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm văn học* để có định hướng khi luyện tập và trình bày.
- Quay clip phần giới thiệu sách của bạn và gửi cho nhóm bạn thân hoặc các bạn cùng lớp, đưa lên mạng xã hội để nhiều người cùng xem, từ đó, lan tỏa tình yêu đối với việc đọc sách.

## BÀI 7

# ANH HÙNG VÀ NGHỆ SĨ (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – TÁC GIẢ NGUYỄN TRÃI)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung chính của văn bản. Xác định được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Xác định được ý nghĩa của văn bản. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.
- Nhận biết và phân tích được vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận. Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội từ văn bản.
- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Trãi để đọc hiểu một số tác phẩm của tác giả này.
- Nhận biết được lỗi dùng từ (từ Hán Việt) và biết cách sửa các lỗi đó.
- Viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội.
- Biết yêu lẽ phải, sự thật, biết ơn và quý trọng di sản văn hoá của dân tộc.

### PHẦN 1. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

#### I. ĐỌC

##### A. Bài tập trong SGK

Đọc văn bản *Bình Ngô đại cáo* và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

1. Xác định hoàn cảnh ra đòn, mục đích viết của bài cáo. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Bình Ngô đại cáo* là một văn bản nghị luận?
2. Có người nhận định rằng: *Bình Ngô đại cáo* là một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc và tính chất tuyên ngôn ấy thể hiện rõ ngay trong phần mở đầu của bài cáo. Cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.

3. Chứng minh “nhân nghĩa” trong câu mở đầu: *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt trước lo trù bạo* là một tư tưởng quan trọng xuyên suốt cả bài cáo. Lời mở đầu này cùng với những câu văn tiếp theo ở phần 1 có quan hệ nối kết như thế nào với các phần 2, 3a, 3b, 4 trong bài cáo?

## B. Bài tập mở rộng

\* Đọc văn bản *Chiếu cầu hiền tài* dưới đây và thực hiện các yêu cầu nêu phía dưới:

### CHIẾU CẦU HIỀN TÀI<sup>1</sup>

Nguyễn Trãi

Trẫm nghĩ: Được thịnh trị tất ở việc cử hiền, được hiền tài tất do sự tiến cử. Bởi thế người làm vua thiên hạ phải lấy đó làm việc trước tiên. Ngày xưa lúc thịnh thời, hiền sĩ đầy triều nhuồng nhau địa vị, cho nên dưới không sót nhân tài, trên không bỏ công việc, mà thành đòn thịnh trị vui tươi. Đến như các quan đòn Hán Đường, ai là không suy nhượng kẻ hiền tài, cất nhắc lẩn nhau, như Tiêu Hà<sup>2</sup> tiến Tào Tham, Nguy Vô Tri<sup>3</sup> tiến Trần Bình, Dịch Nhân Kiệt<sup>4</sup> tiến Trương Cửu Linh, Tiêu Tung<sup>5</sup> tiến Hàn Hữu, tuy tài phẩm có cao thấp khác nhau, nhưng thảy đều được người để đảm đang nhiệm vụ.

Nay trẫm vâng chịu trách nhiệm nặng nề, sớm khuya lo sợ, như gân vúc sâu, chính vì cầu người hiền giúp việc mà chưa được người. Vậy hạ lệnh cho các văn võ đại thần, công hầu, đại phu, từ tam phẩm<sup>6</sup> trở lên, mỗi người đều cử một người, hoặc ở triều đình, hoặc ở thôn dã, bất cứ là đã xuất sĩ hay chưa, nếu có tài văn võ, có thể trị dân coi quân, thì trẫm sẽ tuỳ tài trao chức. Vả lại tiến hiền thì được thưởng, ngày xưa vẫn thế.

<sup>1</sup> Chiếu cầu hiền tài: nguyên văn *Thuận Thiên cử hiền chiếu* (Bài chiếu về việc tiến cử người hiền tài niêm hiệu Thuận Thiên), được ban bố vào năm Thuận Thiên thứ hai (1429).

<sup>2</sup> Tiêu Hà: Thủ tướng đời vua Hán Cao Tổ. Tiêu Hà tiến cử Tào Tham, cũng làm nên sự nghiệp lớn.

<sup>3</sup> Nguy Vô Tri: tướng của Hán Vương, tiến cử Trần Bình. Trần Bình hiến nhiều mưu hay, giúp Hán Vương đánh bại Sở Vương. Sau Trần Bình cũng làm đến chức Thủ tướng đời Hán Cao Tổ.

<sup>4</sup> Dịch Nhân Kiệt: người đời Đường, làm quan trải ba triều vua Cao Tông, Trung Tông, Duệ Tông, nổi tiếng có đủ ân uy, được dân chúng kính ngưỡng. Ông tiến cử nhiều hiền tài, trong đó có Trương Cửu Linh là người có tài văn học, chính trị, tính tình cương trực, vua Đường Huyền Tông rất kính nể.

<sup>5</sup> Tiêu Tung: làm quan đời Đường Huyền Tông, tiến cử Hàn Hữu là người thẳng thắn, dám nói. Khi Huyền Tông có điều gì sai lầm, Hàn Hữu liền dâng sớ khẩn thiết can gián.

<sup>6</sup> Tam phẩm: các quan lại ở bậc thứ ba theo quan chế thời phong kiến (có chín cấp bậc, cao nhất là nhất phẩm, thấp nhất là cửu phẩm).

Nếu cử được người trung tài thì thăng chức hai bậc, nếu cử được người tài đúc đều hơn người tột bậc, tất được trọng thưởng.

Tuy nhiên, người tài ở đời vốn không ít, mà cầu tài không phải chỉ một đường, hoặc người nào có tài kinh luân mà bị khuất ở hàng quan nhỏ, không ai tiến cử, cùng người hào kiệt náu ở nơi đồng nội, lẩn ở hàng binh lính, nếu không tự mình đe đạt thì trẫm bởi đâu mà biết được! Từ nay về sau, các bậc quân tử, ai muốn đi với ta, đều cho tụ tiến. Xưa kia Mao Toại thoát mũi dùi mà theo Bình Nguyên Quân<sup>1</sup>, Nịnh Thích gõ sừng trâu mà cảm ngộ Tề Hoàn Công<sup>2</sup>, nào có câu nệ ở tiểu tiết đâu?

Chiếu này ban ra, phàm các quan liêu đều phải hết chức vụ, tiến cử hiền tài. Còn như những kẻ sĩ quê lậu ở xóm làng, cũng đừng lấy điều “đem ngọc bán rao”<sup>3</sup> làm xấu hổ, mà để trẫm phải than đời hiếm nhân tài.

(Bản dịch của Đào Duy Anh, *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*, tập II, Trung tâm Nghiên cứu quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 2000)

1. Cho biết mục đích và đối tượng của bài chiếu.
2. Phân tích bối cảnh của bài chiếu.
3. Ở mỗi luận điểm, tác giả đã đưa ra những lí lẽ và bằng chứng gì?

<sup>1</sup> Mao Toại là người thời Chiến quốc, thực khách của Bình Nguyên Quân nước Triệu. Tần đánh Triệu. Bình Nguyên Quân đi sứ nước Sở để cầu cứu. Mao Toại xin đi theo. Bình Nguyên Quân từ chối, nói: “Hiền sĩ trên đời như cái dùi để ở trong túi, đầu nhọn ló ra ngay. Nay ông ở đây cả ba năm, chưa nghe ai khen điều gì, thế là ông không có tài năng gì cả”. Mao Toại nói: “Nếu Toại được sớm ở trong túi thì mũi dùi đã thọc ra ngoài rồi, chứ không chỉ ló đầu nhọn mà thôi”. Bình Nguyên Quân cho cùng đi. Đến nước Sở, Bình Nguyên Quân bàn việc hợp tung với vua Sở từ sáng đến trưa, vua Sở vẫn không quyết định. Mao Toại vỗ gươm uy hiếp vua Sở, nói rõ lợi hại, vua Sở mới bằng lòng hợp tung giúp Triệu chống Tần. Bình Nguyên Quân nói: “Ba tấc lưỡi của Mao tiên sinh mạnh hơn trăm vạn quân”. Rồi coi Mao Toại là thượng khách.

<sup>2</sup> Nịnh Thích là người nước Vệ thời Xuân Thu, nhà nghèo phải đi chăn trâu. Một hôm, Tề Hoàn Công cùng Thừa tướng là Quản Trọng đi chơi. Quản Trọng đi xe trước, gặp Nịnh Thích ở Ngao Sơn, biết là người hiền liền viết một phong thơ giao cho Nịnh Thích, đợi xe vua đi sau thì dâng thơ sẽ được trọng dụng. Khi xe Tề Hoàn Công đến, Nịnh Thích gõ sừng trâu mà hát nhiều câu phạm đến chính trị. Hoàn Công sai bắt lại hỏi, Nịnh Thích chỉ trích thẳng những lỗi lầm của vua. Hoàn Công nổi giận sai đem chém. Thích chẳng sợ hãi, ngửa mặt than rằng: “Xưa vua Kiệt giết Long Phùng, vua Trụ giết Tí Can, nay Thích này bị giết nữa, ấy là đủ ba người hiền rồi!”. Hoàn Công hối lỗi, liền sai cởi trói và cùng bàn việc chính trị. Mọi điều Thích nói vua đều rất tâm đắc, phong thường cho làm chức Đại phu, giữ việc quốc chính. Bấy giờ, Thích mới dâng phong thơ của Quản Trọng tiến cử. Hoàn Công hỏi sao lúc nãy không đưa trước. Thích đáp: “Tôi nghe chúa hiền lựa người mà dùng, tôi hiền chọn chúa mà giúp, nếu Chúa công ghét lời ngay, ưa lời nịnh, lấy lòng giận mà đái kề hiền thì tôi thà chịu chết chứ không chịu dâng thơ của Quản Trọng, ấy cũng là một cách thử thách kén chọn của người hiền, xin chúa công lượng xét”.

<sup>3</sup> *Đem ngọc bán rao*: ý nói làm công việc mất phẩm giá, tự đi rêu rao tài năng của mình để mong được người ta dùng.

4. Những câu văn nào biểu lộ cảm xúc của nhân vật chủ thể trong bài chiếu? Những câu văn ấy có tác dụng như thế nào đối với sức thuyết phục của bài chiếu?
5. Tác giả đã làm tăng hiệu quả thuyết phục của bài chiếu bằng cách nào?
6. Bài chiếu này so với *Thư lại dụ Vương Thông* có gì giống và khác nhau về mục đích viết, đối tượng hướng tới và giọng điệu nghị luận?  
\* Đọc văn bản *Thuật hùng*, bài 24 dưới đây và thực hiện các yêu cầu nêu phía dưới:

### THUẬT HÙNG, BÀI 24

Nguyễn Trãi

Công danh đã được hợp về nhàn,  
Lành dũ âu chi thế nghị khen.  
Ao cạn vót bèo cấy muống,  
Đìa thanh phát cỏ ương sen  
Kho thu phong nguyệt<sup>1</sup> đầy qua nóc,  
Thuyền chở yên hà<sup>2</sup> nặng vạy<sup>3</sup> then.  
Bui<sup>4</sup> có một lòng trung lẩn hiếu,  
Mài chặng<sup>5</sup> khuyết, nhuộm chặng đen.

(Theo Nguyễn Trãi toàn tập tân biên, tập III, Trung tâm  
Nghiên cứu quốc học, NXB Văn học, Hà Nội, 2000)

1. Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả qua bối cảnh của bài thơ.
2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong bài thơ? Biện pháp ấy đã mang lại hiệu quả thẩm mĩ như thế nào?
3. Bài thơ này và bài thơ *Bảo kinh cảnh giới*, bài 43 có điểm gì tương đồng trong cách quan sát và miêu tả thiên nhiên không?

<sup>1</sup> Phong nguyệt: gió và trăng.

<sup>2</sup> Yên hà: khói và ráng chiều.

<sup>3</sup> Vạy: từ Nôm cổ, nghĩa là cong, queo.

<sup>4</sup> Bui: từ Nôm cổ, nghĩa là chỉ (có), duy (có).

<sup>5</sup> Chặng: không.

- Hình ảnh nào trong bài thơ làm bạn cảm thấy thú vị nhất? Giải thích vì sao.
- Bạn cảm nhận được điều gì về con người Nguyễn Trãi qua bài thơ trên?

## II. TIẾNG VIỆT

### Bài tập trong SGK

- Chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong những câu sau đây. Phân tích những lỗi ấy và sửa lại cho đúng.
  - Song thân của thằng bé ấy đều làm công nhân ở xí nghiệp in.*
  - Ông ấy vừa giỏi về cơ khí lại vừa giỏi về kinh doanh, thật là tài hoa.*
  - Sáng mai, các bạn tập họp đúng giờ nhé.*
- Thay thế các câu sau đây bằng các câu có dùng từ Hán Việt sao cho tương đồng về ý nghĩa và trang nhã hơn.
  - Ăn uống ở Việt Nam có rất nhiều thú.*
  - Tổng thống Pháp và vợ sẽ đến thăm chơi nước ta vào khoảng từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 11 năm nay.*
  - Người đứng đầu các nước đều bày tỏ sự lo sợ trước tình hình làm ăn buôn bán đang có nhiều thay đổi rắc rối hiện nay.*

### B. Bài tập mở rộng

- Chọn từ Hán Việt ở cột B có ý nghĩa tương đương với từ ngũ ở cột A.

A	B
1. yên ổn và phát triển tốt đẹp	a. xuất sĩ
2. xóm làng đồng ruộng	b. tiến hiền
3. người trí thức đã đỗ đạt và ra làm quan	c. câu nệ
4. người có tài đức	d. công hầu
5. phần nhỏ nhặt trong một sự việc	đ. thôn dã
6. giới thiệu người tài đức	e. hiền tài
7. khả năng đảm nhiệm, quán xuyến việc nước	ê. suy nhượng
8. tiến cử và nhường cho	g. tài kinh luân
9. giữ khư khư suy nghĩ, quan niệm nào đó mà không thay đổi linh hoạt cho phù hợp với hoàn cảnh	h. tiểu tiết
10. tên hai tước vị đầu tiên trong năm tước vị của triều đình thời xưa do vua ban cho các đại thần	i. thịnh trị

2. Tìm lỗi dùng từ trong những câu sau đây. Giải thích về những lỗi ấy và sửa lại cho đúng.
- Ngày nay có nhiều phương tiện truyền thông dành cho người khiếm thị, bị điếc.*
  - Trong kháng chiến chống Minh, Nguyễn Trãi là cánh tay phải nồng lực của Bình Định Vương Lê Lợi.*
  - Phần hai bài “Bình Ngô đại cáo” là bản báo cáo về tội ác của giặc Minh.*
  - Tự trước tới nay không ai làm như thế cả.*
  - Lúc sáng đi chợ, tôi gặp cô ấy trên lô trình.*
  - Ông ngoại và thân phụ Nguyễn Trãi là những người trí thức thời vua Trần.*
  - Lẽ ra anh ấy đã tiệc cưới trong tuần này, nhưng vì tình hình dịch bệnh nên anh ấy quyết định sẽ hậu đãi.*
  - Anh ấy là bác sĩ lão khoa còn vợ anh ấy là bác sĩ trị bệnh con nít.*
  - Thời Lê sơ xã hội ổn định, kinh tế phát triển, còn thời Hậu Lê xã hội loạn lạc, dân chúng cơ cực.*
1. – Chỉ ấy mất đã lâu rồi, sao anh không tái giá?

### III. VIẾT

#### Bài tập

- Cho biết kiểu bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm có những yêu cầu gì?
- Hãy chọn một đề tài cho bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. Ví dụ các thói quen sau:
  - Xả rác nơi công cộng.
  - Cười nói to hoặc gây tiếng ồn nơi công cộng.
  - Nói chuyện và làm việc riêng trong tiết học.
  - Cóp bài làm của bạn.
  - Ăn quà vặt không đúng lúc, đúng chỗ.
  - Ăn ngủ không điều độ.
  - Đi học muộn.
  - ...

Hay các quan niệm sau:

- Xem thường khả năng của các bạn nữ.
- Xem văn chương là phù phiếm.
- Xem tiền bạc có thể mua được tất cả.
- Đề cao quá đáng cái tôi cá nhân.
- Xem thường những nghề lao động tay chân...
- ...

Sau khi chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý cho bài văn và viết thành bài hoàn chỉnh. Sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá bài làm.

## IV. NÓI VÀ NGHE

### Bài tập

Chọn một trong những đề tài như đã gợi ý ở phần III. VIẾT, sau đó thực hiện một số bước chính trong quy trình thực hiện bài nói và nghe, chú trọng các bước *tìm ý, lập dàn ý, tự luyện tập, giả định các câu hỏi phản hồi từ phía người nghe để chuẩn bị nội dung trao đổi, sử dụng bảng kiểm tự đánh giá bài nói,...*

## PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

### I. ĐỌC

#### A. Bài tập trong SGK

Đọc hiểu văn bản *Bình Ngô đại cáo* và thực hiện các yêu cầu.

##### Câu 1

*Yêu cầu:* Xác định được hoàn cảnh ra đòn, mục đích viết của bài cáo. Chỉ ra được những dấu hiệu cho thấy *Bình Ngô đại cáo* là một văn bản nghị luận.

##### Gợi ý:

- Nhận đề và câu kết của văn bản cho thấy mục đích viết bài cáo: công bố rộng rãi cùng toàn dân về công cuộc đánh dẹp giặc Minh ("bình Ngô") thắng lợi.

– Đoạn kết cho thấy hoàn cảnh ra đời của bài cáo: sau khi chiến thắng, đuổi sạch giặc Minh (“Xã tắc từ đây vũng bùn … vết nhục nhã sạch lìu”).

– Một văn bản nghị luận phải nêu được vấn đề nào đó để bàn luận. Vấn đề *Bình Ngô đại cáo* nêu ra thể hiện ở câu mở đầu bài cáo: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân / Quân điếu phạt trước lo trù bạo”. Đó là thực hiện nhân nghĩa – “trù bạo” để “yên dân”.

## Câu 2

**Yêu cầu:** Chỉ ra tính chất tuyên ngôn độc lập thể hiện ở phần mở đầu bài cáo.

### Gợi ý:

Phần mở đầu bài cáo đã đề cập đến những vấn đề lớn, bao gồm những yếu tố cần và đủ để khẳng định về một quốc gia độc lập:

– Nước Đại Việt là một nước có lãnh thổ riêng biệt với một nền văn hoá riêng biệt có bề dày lịch sử (“Như nước Đại Việt ta từ trước … phong tục Bắc Nam cũng khác”).

– Nước Đại Việt là một nước có chủ quyền, độc lập từ lâu đời với những triều đại tự chủ ngang hàng với lân bang (“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần … xung đế một phương”).

– Nước Đại Việt là một nước có truyền thống đấu tranh bất khuất, chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và chiến thắng ngoại xâm qua nhiều triều đại (“Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau … chúng có còn ghi”).

→ Do đó, phần này có ý nghĩa như một tuyên ngôn độc lập và giữ vai trò làm cơ sở lí luận cho các phần sau.

## Câu 3

### Yêu cầu:

– Chứng minh “nhân nghĩa” trong câu mở đầu: *Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt trước lo trù bạo* là một tư tưởng quan trọng xuyên suốt cả bài cáo.

– Chỉ ra quan hệ nối kết giữa lời mở đầu này cùng những câu văn tiếp theo ở phần 1 với các phần 2, 3a, 3b, 4 trong bài cáo.

### *Gợi ý:*

– “Nhân nghĩa” là tư tưởng trọng yếu xuyên suốt bài cáo và được thể hiện nhất quán trong các phần của bài cáo:

+ Ở phần 1, tư tưởng nhân nghĩa thể hiện qua quan điểm “nhân nghĩa” là trù bạo để yên dân, gìn giữ chủ quyền chống lại bọn cướp nước. Đây chính là lí do có công cuộc “bình Ngô”.

+ Ở phần 2, tư tưởng nhân nghĩa là sự phơi bày những tội ác của giặc Minh trong niềm thương xót sâu sắc đối với dân lành và căm phẫn vô biên đối với quân giặc bạo ngược.

+ Ở phần 3, tư tưởng nhân nghĩa thể hiện ở tuyên ngôn của quân ta, đội quân chính nghĩa: *Đem đại nghĩa để thắng hung tàn/ Lấy chí nhân để thay cường bạo*, ở cảm xúc bất nhẫn trước cảnh máu chảy đầy roi của binh sĩ giặc do sự ngoan cố ngu xuẩn của bọn tướng lĩnh cầm đầu, ở “lòng hiếu sinh” tha bổng hàng binh giặc và cấp phuơng tiện cho về nước.

+ Ở phần 4, tư tưởng nhân nghĩa thể hiện ở niềm tự hào của một dân tộc đã chiến thắng trong tư thế chính nghĩa.

– Phần 1 và các phần tiếp theo của bài cáo được nối kết theo quan hệ nhân quả.

## **B. Bài tập mở rộng**

\* Đọc hiểu văn bản *Chiếu cầu hiền tài* và thực hiện các yêu cầu.

### **Câu 1**

*Yêu cầu:* Chỉ ra mục đích viết bài chiếu và đối tượng nghe/ đọc bài chiếu.

*Gợi ý:* Cần lưu ý, tác giả bài chiếu là Nguyễn Trãi nhưng chủ thể trong bài chiếu là vua Lê Thái Tổ (Vua sai Nguyễn Trãi thay mình viết bài chiếu để ban bố mệnh lệnh). Do mục đích muốn được nhiều người tài đúc về giúp việc triều chính nên bài chiếu hướng tới đối tượng rộng rãi, bao gồm cả các quan trong triều và toàn thể nhân dân.

### **Câu 2**

*Yêu cầu:* Phân tích bố cục bài chiếu.

*Gợi ý:* Bố cục bài chiếu cũng thể hiện hệ thống luận điểm trong bài chiếu:

- Nguyên nhân viết bài chiếu: Đất nước muốn thịnh trị cần phải có người hiền tài giúp việc nước → cầu hiền tài, do đó, là việc hết sức quan trọng và cấp bách.
- Vì thế, trước hết, nhà vua yêu cầu các quan tiến cử hiền tài.
- Bên cạnh đó, nhà vua kêu gọi những người tài khắp nơi, không phân biệt xuất thân tự mình đề cử.
- Cuối cùng, nhà vua bày tỏ lòng mong muốn tha thiết tìm được người tài giúp nước.

### Câu 3

*Yêu cầu:* Chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng ở mỗi luận điểm.

*Gợi ý:*

- Ở luận điểm thứ nhất, bài chiếu đưa ra lí lẽ: Đất nước thịnh trị là nhờ có nhiều hiền tài. Có được nhiều hiền tài là vì các quan trong triều luôn quan tâm tiến cử những người tài giỏi.

Bằng chứng: bài chiếu đã dẫn việc tiến cử hiền tài của các quan đài Hán, đài Đường.

- Ở luận điểm thứ hai, bài chiếu đưa ra lí lẽ: Triều đình đang thiếu người tài giúp nước, vì thế trách nhiệm của các quan là phải tiến cử người tài; làm được điều này là có công với triều đình và có công thì sẽ được thưởng.

Bằng chứng: bài chiếu dẫn ra các mức thưởng cụ thể cho những quan lại tiến cử được người tài giỏi.

- Ở luận điểm thứ ba, bài chiếu đưa ra lí lẽ: Cầu hiền tài có nhiều cách, không chỉ nhờ tiến cử mà cá nhân còn có thể tự đề cử.

Bằng chứng: bài chiếu đã dẫn những nhân vật nổi tiếng ở thời Xuân Thu, Chiến Quốc đã tự tiến và làm nên sự nghiệp lớn để kích thích những kẻ sĩ ở khắp nơi.

- Ở luận điểm cuối cùng, lí lẽ cũng là bằng chứng: Nếu những người tài ẩn náu nơi thôn dã cứ “câu nệ tiểu tiết”, sợ tự đề cử sẽ làm mất danh giá của mình, sẽ phụ lòng nhà vua và lỡ dịp cống hiến cho đất nước.

## Câu 4

*Yêu cầu:*

- Tìm ra những câu văn biểu lộ cảm xúc của nhân vật chủ thể trong bài chiếu.
- Chỉ ra sức thuyết phục của những câu văn ấy.

*Gợi ý:* Có thể dẫn một số câu sau:

- “Nay trẫm vâng chịu trách nhiệm nặng nề, sớm khuya lo sợ, như gần vực sâu, chính vì cầu người hiền giúp việc mà chưa được người.”
- “những kẻ sĩ quê lậu ở xóm làng, cũng đừng lấy điều “đem ngọc bán rao” làm xấu hổ, mà để trẫm phải than đòi hiếm nhân tài.”

Những câu văn này cho thấy ý thức trách nhiệm đối với đất nước, lòng mong mỏi chí thiết, cũng như sự trân trọng của nhà vua đối với người hiền tài. Từ đó, nó làm bài chiếu tăng thêm sức mạnh thuyết phục, thôi thúc các quan tiến cử người tài và kích thích người tài tự đề cử.

## Câu 5

*Yêu cầu:* Chỉ ra những cách thức tác giả đã sử dụng để làm tăng hiệu quả thuyết phục của bài chiếu.

*Gợi ý:* Tác giả đã làm tăng hiệu quả của bài chiếu bằng những tác động cả về mặt vật chất lẫn tinh thần đối với đối tượng.

– Về mặt vật chất: nêu ra mức thưởng cụ thể bằng việc thăng chức cho những người có công tiến cử.

– Về mặt tinh thần: đề cập đến vận mệnh thịnh suy của đất nước tùy thuộc vào người hiền tài để nhắc nhở trách nhiệm đối với đất nước của mọi người và bày tỏ lòng mong chờ người hiền tài thiết tha của nhà vua để nhắc nhở trách nhiệm về đạo vua tôi.

## Câu 6

*Yêu cầu:* Chỉ ra những điểm giống và khác nhau giữa bài chiếu và *Thư lại dụ Vương Thông* về mục đích viết, đối tượng hướng tới và giọng điệu nghị luận.

*Gợi ý:*

- Điểm giống nhau:

+ Cả hai văn bản đều có mục đích thuyết phục đối tượng (bài chiếu tuy là mệnh lệnh đối với các quan nhưng cũng nhằm mục đích thuyết phục người tài trong nhân dân tự đề cử).

- Điểm khác nhau:

+ Đối tượng của bài chiếu là các quan và nhân dân trong nước; đối tượng của bức thư là tướng giặc Minh.

+ Bài chiếu thuyết phục đối tượng thực hiện một hành động; bức thư thuyết phục đối tượng từ bỏ một hành động.

+ *Chiếu cầu hiền tài* tuy về hình thức là mệnh lệnh nhưng có giọng điệu tâm tình, tha thiết; *Thu lại dụ Vương Thông* tuy về hình thức là bức thư nhưng có giọng điệu hùng biện, đanh thép.

\* Đọc hiểu văn bản *Thuật hùng*, bài 24 và thực hiện các yêu cầu.

## Câu 1

**Yêu cầu:** Chỉ ra mạch cảm xúc của tác giả qua bối cảnh bài thơ.

**Gợi ý:** Mạch cảm xúc của tác giả đi theo bối cảnh Đề – Thực – Luận – Kết của bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

Hoàn cảnh sống hiện tại – Công việc hàng ngày nơi quê nhà – Cuộc sống đầy hứng thú giữa thiên nhiên tươi đẹp – Tấm lòng trung hiếu không phai nhạt trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

## Câu 2

**Yêu cầu:** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong bài thơ và hiệu quả thẩm mĩ của biện pháp ấy.

**Gợi ý:** Biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong bài thơ là ẩn dụ, dùng ở cặp câu luận và cặp câu kết.

Ở hai câu luận, gió, trăng, khói sóng, ráng chiều là vẻ đẹp của thiên nhiên, cũng là kho báu vô tận mà nhà thơ tự do “thu”, “chở” một cách hào hứng và tự hào được sở hữu nó. Hai câu luận cho thấy tình yêu thiên nhiên sâu sắc, sự giàu có về mặt tinh thần và niềm lạc quan vui sống của nhà thơ.

Ẩn dụ trong hai câu kết cho thấy tấm lòng trung hiếu của nhà thơ rất kiên định, rắn như đá quý, đỏ như son, không gì có thể làm nó mòn mẩy, phai nhạt, biến đổi.

### Câu 3

**Yêu cầu:** Chỉ ra điểm tương đồng giữa hai bài thơ *Thuật húng*, bài 24 và *Bảo kinh cảnh giới*, bài 43 trong cách quan sát và miêu tả thiên nhiên.

**Gợi ý:** Điểm tương đồng giữa hai bài thơ là cách miêu tả thiên nhiên sống động, thiên nhiên như có tâm hồn, tình cảm; thiên nhiên đến với con người, làm bạn bè thân thiết, làm đẹp, làm vui cho con người.

### Câu 4

**Yêu cầu:** Chỉ ra hình ảnh thú vị nhất trong bài thơ và giải thích về điều đó.

**Gợi ý:** Độc đáo và thú vị nhất là hình ảnh trong hai câu luận:

– *Kho và thuyền* thường dùng để chứa những của cải vật chất cụ thể. Kho và thuyền của nhà thơ lại dùng chứa gió, trăng, khói, ráng, những thú trừu tượng, chỉ có thể nhìn thấy và cảm nhận, không thể nắm bắt; mà lại được thu chứa đầy ắp đến đội cả nóc kho, vẹo cả then thuyền.

– Những vẻ đẹp vô hình, trừu tượng của thiên nhiên được cụ thể hoá, trở nên gần gũi, có đường nét, hình khối, trọng lượng như có thể sờ mó, cầm nắm được qua trí tưởng tượng phong phú của nhà thơ, khiến câu thơ vừa tươi vui, sinh động vừa hóm hỉnh.

### Câu 5

**Yêu cầu:** Nêu cảm nhận về con người Nguyễn Trãi qua bài thơ.

**Gợi ý:** Qua bài thơ, con người Nguyễn Trãi hiện lên với phong cách tự do, phóng khoáng, tâm hồn phong phú, lạc quan, yêu cuộc sống và tràn đầy nghị lực.

## II. TIẾNG VIỆT

### Bài tập trong SGK

#### Câu 1

**Yêu cầu:**

- Chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong từng câu.
- Phân tích những lỗi ấy.
- Sửa những lỗi ấy.

### Gợi ý:

#### a. *Song thân*

Lỗi dùng từ không phù hợp với phong cách (Đây là phong cách nói chuyện thường ngày, không cần trang trọng, cầu kì).

Sửa: *Bố mẹ của thằng bé ấy đều làm công nhân ở xí nghiệp in.*

#### b. *tài hoa*

Lỗi dùng từ không đúng nghĩa (*tài hoa* thường dùng nói về lĩnh vực sáng tạo cái đẹp như hội họa, điêu khắc, âm nhạc, văn chương và những ngành nghệ thuật khác...).

Sửa: Ông ấy vừa giỏi về cơ khí lại vừa giỏi về kinh doanh, thật là *tài năng*.

#### c. *tập hợp*

Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm.

Sửa: *Sáng mai, các bạn tập hợp đúng giờ nhé.*

## Câu 2

**Yêu cầu:** Thay thế một số từ thuần Việt bằng từ Hán Việt đồng nghĩa cho câu văn trang nhã hơn. Từ Hán Việt dùng thay thế phải:

- Đồng nghĩa với từ thuần Việt cần thay.
- Giúp câu văn trang nhã hơn, phù hợp với ngữ cảnh sử dụng.

### Gợi ý:

#### a. *Ẩm thực* ở Việt Nam rất *phong phú*.

*Tổng thống Pháp và phu nhân sẽ đến thăm hữu nghị nước ta vào khoảng trung tuần tháng 11 năm nay.*

*Nguyên thủ các quốc gia đều bày tỏ sự quan ngại trước tình hình kinh tế đang biến động phức tạp hiện nay.*

## B. Bài tập mở rộng

### Câu 1

**Gợi ý:** Nên đọc bao quát và làm trước những kết nối hai cột đối với các từ ngữ dễ hiểu, thường gặp, có thể nắm chắc ý nghĩa (ví dụ: *hiền*

*tài, thôn dã, câu nệ*); sau đó đến những từ ngữ khó hơn (ví dụ: *thịnh trị, tài kinh luân*); cuối cùng là những từ ngữ không thật hiểu rõ nghĩa như *xuất sĩ, suy nhượng*. Đối với những từ ngữ này, chọn kết nối phần giải thích ý nghĩa có vẻ gần gũi nhất với một từ ngữ (nhờ hiểu được nghĩa của một yếu tố trong từ ngữ đó), và cứ tiếp tục như thế, cuối cùng sẽ còn lại cặp ý nghĩa – từ ngữ cảm thấy khó hiểu nhất được kết nối với nhau. Giải bài tập này sẽ giúp hiểu thêm về ý nghĩa một số từ Hán Việt mới để dùng đúng chỗ.

## Câu 2

*Yêu cầu:* Sửa lỗi dùng từ Hán Việt.

- Chỉ ra lỗi dùng từ Hán Việt trong từng câu.
- Phân tích những lỗi ấy.
- Sửa những lỗi ấy.

*Gợi ý:*

a. *bị điếc*

Lỗi dùng từ không phù hợp với khả năng kết hợp (*bị điếc* không thể đi đôi với *khiếm thị*).

Sửa: *Ngày nay, có nhiều phương tiện truyền thông dành cho người khiếm thị, khiếm thính.*

d. *Tự*

Lỗi dùng từ không đúng hình thức ngữ âm (*tự* là từ Hán Việt, xuất hiện trong cụm từ thuần Việt ở đầu câu này là không phù hợp).

Sửa: *Tù trước nay không ai làm như thế cả; hoặc: Tự cổ chí kim không ai làm như thế cả.*

d. *lộ trình*

Lỗi dùng từ không phù hợp với phong cách (Đây là phong cách nói chuyện thường ngày, không cần trang trọng, cầu kỳ).

Sửa: *Lúc sáng đi chợ, tôi gặp cô ấy trên đường đi.*

h. *Hậu Lê*

Lỗi dùng từ không đúng nghĩa (*Hậu Lê* nghĩa là triều nhà Lê sau (để phân biệt với *Tiền Lê*, tức triều nhà Lê trước) chứ không có nghĩa là cuối thời Lê như ý câu này muốn nói).

Sửa: Thời Lê sơ xã hội ổn định, kinh tế phát triển, còn thời Lê mạt xã hội loạn lạc, dân chúng cơ cực.

### III. VIẾT

#### Bài tập

Câu 1: Xem lại tri thức về kiểu bài trong SGK để trả lời câu hỏi.

Câu 2: Chọn một đề tài trong số những đề tài được dẫn ra làm ví dụ để thực hiện yêu cầu câu hỏi. Sau khi tìm ý, lập dàn ý và viết thành bài văn hoàn chỉnh, tự lập bảng kiểm theo hướng dẫn trong SGK để tự nhận xét, đánh giá xem bài viết đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cần thiết chưa.

### IV. NÓI VÀ NGHE

#### Bài tập

*Gợi ý:* Thực hiện theo những yêu cầu trong bài tập. Có thể tự luyện tập một mình và giả định những câu hỏi phản hồi từ phía người nghe để trả lời hoặc trao đổi ý kiến. Tốt nhất nên luyện tập cùng một bạn khác hoặc một nhóm bạn để có thể tương tác, tạo cảm hứng khi nói và lắng nghe câu hỏi phản hồi từ phía người nghe đang có mặt, trả lời và trao đổi ý kiến. Sau đó, đổi vai giữa người nói và người nghe để cả hai (hoặc cả nhóm) đều được thực hiện bài tập ở vai trò người nói lẫn người nghe. Cuối cùng, lập bảng kiểm theo hướng dẫn trong SGK để tự nhận xét, đánh giá.

*Chân trời sáng tạo*

## BÀI 8

# ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI (TRUYỆN)

### YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác phẩm truyện muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chèm xen, liệt kê.
- Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch: chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

### PHẦN 1. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

#### I. ĐỌC

Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

TÔI THÍCH LÀM VUA

Nguyễn Quang Sáng

Tôi sinh ra trên một cù lao<sup>1</sup> giữa sông Tiền. Nói là cù lao nổi lên giữa con sông nhưng cũng lớn lắm – cù lao có đến ba làng: Mỹ Tân, Mỹ Phú, Mỹ Hoà. Ba làng có ba cái chợ, chẳng thua ai. Mỗi làng có một cái trường dù một cây mái cũng là trường.

Cù lao của tôi thua nơi khác là không có xe hơi, nhưng có xe ngựa, xuồng ghe thì không đâu bằng. Tàu không có, nhưng ngày nào lũ nhỏ cũng lao xuống thấy tàu chạy lên chạy xuống. Cái thú vui của lũ nhỏ chúng tôi là nhìn sóng và lúc tắm thì được nhoi sóng mỗi khi có một con tàu chạy qua bến. Cái mà dân cù lao tôi thấy thiếu nhất là không được xem hát.

<sup>1</sup> Cù lao: khoảng đất nằm ở giữa sông hoặc biển.

Ai muốn xem hát phải xuống xuống băng qua sông, nghe đâu hồi tôi chưa đẻ, có người mê hát đến nỗi bị chìm xuống chết trôi. Có lẽ cù lao tôi không có gánh hát mà người ta chê nó bằng hai câu ca dao:

*Mỹ Tân, Mỹ Phú, Mỹ Hoà*

*Ba làng nhập lại không ra cái làng nào.*

Cả năm mới có một gánh hát về một lần vào dịp cúng đình. Gánh đó về là do công của chú tôi. Nghe ba tôi kể, chú tôi sanh non ngày non tháng, lớn lên bị èo uột, bệnh hoạn luôn. Thấy vậy ông bà mới cho chú học chữ nho để hốt thuốc. Trước là trị cho mình, sau đó là làm phuốc cho bà con. Lớn lên, bỏ nhà đi hoang. Nhờ biết chữ nho, đọc được sách Tàu, biết nhiều tuồng tích, rồi trở thành thầy tuồng (\*). Hồi đó, tôi không được nghe tiếng soạn giả và đạo diễn, chỉ nghe có tiếng thầy tuồng, chú tôi vừa viết vừa tập cho đào kép và dàn dựng, làm luôn nghề đạo diễn. Gánh đó về là vì nể vì thương cho chú tôi, chứ ai về chi cái đất cù lao, lúc nào cũng sóng gió.

Khi gánh hát về, nước của bốn bề cù lao như cũng nổi sóng vui theo. Già trẻ bé lớn ai cũng nôn nao với tiếng trống rao hàng của chiếc xe ngựa chạy qua đường. Xe ngựa chạy trước, lũ nhó chúng tôi cắm đầu cắm cổ đuổi theo như sợ mất tiếng trống. Cái vui kế đó là, trước khi xem hát, chúng tôi rủ nhau đi xem quảng cáo, đi xem quần áo, mũ mao họ phơi trên mui ghe như là cố ý xem trước vậy!

Rạp hát là nhà lồng chợ. Kệ thịt, kệ vải đều được dọn ra ngoài. Người ta lấy lá che kín hết bốn bên.

Tôi là cháu của thầy tuồng, tôi được đánh trống. Chừng sắp sửa kéo màn thì tôi với lũ nhó hàng xóm lăn trống vào rạp, khỏi phải mất tiền mua vé.

Cái vui cuối cùng là, sau khi gánh hát nhổ neo đi, lũ nhó tụi tôi lại lấy lá dùa kết thành mao, lấy xơ dùa làm râu, lấy giấy màu dán vào quần áo, phân vai cho nhau, hát lại cái tuồng mình được xem, cũng:

- Như ta đây là...
- Quân bay!
- Bẩm hoàng thượng!

– Nay ái khanh...

Vân vân... Cứ vậy mà diễn cho đến ngày cúng đình năm sau.

Năm đó, gánh nhổ neo đi rồi nhưng chú tôi còn nán lại vài ngày chơi với bà con. Tôi bèn nhờ chú tôi dạy hát.

– Được! Tui con có mấy đứa?

– Dạ chú muốn mấy đứa cũng có. – Tôi lẹ miệng đáp lại.

– Chú sẽ soạn tuồng cho gọn lại để mấy cháu hát.

Tui nhớ đúng xung quanh chú cũng nhảy cung lên. Chú nhìn một lượt qua mặt chúng tôi:

– Tuồng này có một ông vua; hai ông quan – một nịnh, một trung; một anh hùng; một ái khanh; một thằng quân. Tui con ở đây có sáu đứa, tuồng cũng có sáu vai, vậy là vừa đủ. Bay giờ mỗi đứa đóng thử một vai, vai nào đóng hay thì sẽ đóng luôn nghe chưa?

Chú dạy chúng tôi thay nhau đóng vai nịnh, vai trung, vai hùng, vai quân, còn ái khanh là một bé bên nhà vai ái khanh nhất định là của nó. Tôi chờ hoài mà không thấy chú tập vai vua. Tôi thắc mắc mà không dám hỏi. Trong lũ nhóc chúng tôi có thằng Đức là thằng khờ nhứt. Thằng Đức là con củadì tôi. Dì tôi sanh năm mốt, sanh liền ba đứa chẳng nuôi được đứa nào. Sanh đến đứa thứ tư, sợ nó theo anh chị nên lựa cái tên xấu xí mà đặt cho nó. Nó là con trai nên đặt tên nó là Đức. Cái tên cũng như con người của nó, lúc nào cũng ngồi đực ra nhìn tui tôi chơi đùa. Nó chơi cái gì cũng dở, nên ít được cho chơi. Nó khờ quá, biết thân, nó ngồi đực ra nhìn để được vui theo. Nó không biết hát cũng không biết múa, không biết buồn cũng không biết vui, chẳng biết rồi chú tôi sẽ cho nó đóng vai nào.

Sau buổi tập, tối đến, khi còn có hai cháu, chú tôi hỏi tôi:

– Hồi chiều tập qua mấy vai, con thích vai nào?

Nghĩ mình là con cháu, chú sẽ cưng hơn mấy đứa khác, tôi mạnh dạn:

– Con thích làm vua.

– Làm vua? – Chú tôi như giật mình, mở tròn mắt nhìn tôi như muốn xem lại tôi là đứa nào vậy. Nghĩ sao chú lại cười, nụ cười như trùm lên mặt mũi tôi, rồi chú lắc đầu:

– Không được, vai vua hãy để cho thằng Đực.

Đến lúc tôi lại ngạc nhiên, nhìn lại chú như nhìn một người xa lạ, và phản ứng không một chút đắn đo:

– Thằng Đực là thằng ngu! Nó làm vua sao được.

Chú đưa tay vỗ nhẹ lên đầu tôi:

– Chính vì vậy nó mới làm vua. Chú hỏi con, sao con thích làm vua?

Tôi muốn làm vua vì: trước nhất mặc áo con rồng, được ngồi trên cao, ghế ngồi gọi là ngai vàng, trong tay có một cục gì đó (chắc là nặng lắm) mỗi lần đập xuống bàn thì rung rinh cả thiên hạ, nhút hô bá ứng, muốn xử ai thì xử, muốn gì được nấy, muốn có ái khanh thì có ái khanh, muốn có rượu thì có quan hầu... Tôi nghĩ nhiều nhưng chỉ nói:

– Tại con thích!

– Để chú giảng cho con nghe nhé.

Chú nói, nếu đóng vai nịnh thì phải biết luôn lợt, phải biết lời ong tiếng ve để làm xiêu lòng bồ trên, để đổi trắng thay đen, để được vinh thân, phì gia. Làm được vậy đâu có dễ, thằng Đực không sao làm được. Nếu đóng vai trung thì phải trung thực, dám nói thẳng với vua lời hay lẽ phải, cuộc đời phải chịu nỗi oan làm cho người ta thương, người ta khóc, thằng Đực không làm nổi. Làm cho người ta khóc đã khó, làm cho người ta cười lại càng khó hơn. Làm cho người ta cười để người ta quên đi cái cuộc đời cơ cực, đó là giây phút cũng có ích cho đời, thằng Đực nó ngồi đực ra đó ai cười nổi. Còn vai quân, cái vai coi là hạng chót cũng không phải dễ. Làm quân cũng không phải dễ. Làm quân phải biết quỳ, biết bẩm, biết ca, thằng Đực làm được gì?

Còn làm vua, chỉ có việc ngồi sẫn đó, màn kéo ra thì thấy mặt nó rồi, chỉ có việc vuốt râu, cầm cái ấn gỗ xuống bàn, rồi “quân bầy” với “ái khanh”. Vậy là vừa với cái súc của thằng Đực, phải không?

Nghe chú tôi giảng giải, tôi không còn chối cãi vào đâu. Vai vua không thể ai khác được ngoài thằng Đực, đúng lắm, nhưng vẫn thấy thằng Đực có số hên.

Sau này đi bộ đội, tôi là một “cây văn nghệ” của anh em. Tôi hay sắm tuồng, diễn kịch ở những nơi đóng quân. Nhờ đó khi chuyển ngành tôi

được cấp trên cho đi học nghề đạo diễn. Vào nghề đạo diễn tôi lại nhớ lời của chú tôi, tôi coi đó như bài học vĩnh hằng trong cuộc đời làm sân khấu – và càng ngày tôi càng thầm thía hơn ai là người thực cho cuộc đời, ai là người cho sân khấu.

Tiếc thay, bây giờ quanh tôi vẫn còn có những người thích làm vua.

(Trích trong tập truyện ngắn *Dân chơi. Tôi thích làm vua*,  
NXB Hội Nhà văn, 2005)

1. Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản trên.
2. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Tôi thích làm vua* là văn bản truyện?
3. Bạn hãy cho biết chủ đề, thông điệp của văn bản truyện trên. Dựa vào đâu để bạn xác định được chủ đề, thông điệp của văn bản?
4. Theo bạn, văn bản trên được kể theo điểm nhìn của ai? Cách kể đó có tác dụng gì?
5. Phát biểu cảm nhận của bạn về nhân vật người chú và cho biết: Xét trong tính chỉnh thể của văn bản, nhân vật người chú này có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề và thông điệp của văn bản truyện?
6. Cuộc trò chuyện giữa hai nhân vật “tôi” và người chú về việc phân vai trong vỏ tuồng trong văn bản trên giúp bạn hiểu thêm điều gì về tính cách của mỗi nhân vật?
7. Điền vào bảng dưới đây một đặc điểm mà bạn cho là nổi bật của các yếu tố: *người kể chuyện, nội dung câu chuyện, điểm nhìn, lời của người kể chuyện trong tương quan với lời của nhân vật* trong hai văn bản *Tôi thích làm vua* và văn bản *Đất rừng phương Nam* (trích) (làm vào vỏ):

Các yếu tố	Đất rừng phương Nam (trích)	Tôi thích làm vua
Người kể chuyện		
Nội dung câu chuyện		
Điểm nhìn		
Lời của người kể chuyện		

8. Nhận xét về cách kể chuyện của hai nhà văn Nam Bộ (Đoàn Giới và Nguyễn Quang Sáng) trong hai văn bản *Đất rùng phuong Nam* (trích) và *Tôi thích làm vua*.

## II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm những câu có sử dụng biện pháp tu từ chêm xen trong văn bản *Tôi thích làm vua* và chỉ ra tác dụng của các biện pháp ấy.
2. Tìm những câu có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê trong hai văn bản *Đất rùng phuong Nam* (trích) (SGK Ngữ văn 10, tập hai) và *Tôi thích làm vua*.
3. Chỉ ra biện pháp liệt kê trong các trường hợp sau. Xác định xem đây là kiểu liệt kê theo từng cặp hay không theo từng cặp; kiểu liệt kê tăng tiến hay không tăng tiến.
  - a. *Mỹ Tân, Mỹ Phú, Mỹ Hoà*  
*Ba làng nhập lại không ra cái làng nào.*
  - b. *Tuồng này có một ông vua; hai ông quan – một nịnh, một trung; một anh hùng; một ái khanh; một thằng quân.*
  - c. *Chú dạy chúng tôi thay nhau đóng vai nịnh, vai trung, vai hùng, vai quân.*
  - d. *Già trẻ bé lớn ai cũng nôn nao với tiếng trống rao hàng của chiếc xe ngựa chạy qua đường.*
  - e. *Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo uớt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách.*
4. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen trong các trường hợp sau:
  - a. *Tôi sinh ra trên một cù lao giữa sông Tiền. Nói là cù lao nổi lên giữa con sông nhưng cũng lớn lắm – cù lao có đến ba làng: Mỹ Tân, Mỹ Phú, Mỹ Hoà.*
  - b. *Tuồng này có một ông vua; hai ông quan – một nịnh, một trung; một anh hùng.*
  - c. *Mặc dù ông xuống “kiêng” cùng với một nhóm khá đông trợ lí và trinh sát, mặc dù ông cũng trang bị và nai nịt như mọi người, tiểu liên AK, dép đúc, mũ cối, áo lính tó chậu, nhưng trong bóng rùng rợn nhộn nhạo tôi vẫn nhận ra ông ngay.*
5. Hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê và chêm xen nói về một trong hai nội dung sau:
  - a. Kể về một vùng đất mà bạn đã từng đi qua ghi lại dấu ấn trong bạn.
  - b. Quê hương, đất nước đóng vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi người?

### III. VIẾT

#### Bài tập

1. Dùng mẫu *Bảng kiểm kĩ năng viết bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch* để đánh giá văn bản “Thực tế và mộng tưởng trong *Cô bé bán diêm* (Andersen)” (Bài 8).

2. Đọc đề bài dưới đây:

**Đề bài:** Viết bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một trong những tác phẩm sau:

- Trích đoạn màn *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, tuồng đồ) [1]
- *Đất rừng phương Nam* (trích) [2]
- *Tôi thích làm vua* [3]

Bạn hãy:

- a. Xác định đề tài, mục đích viết, người đọc mà bài viết hướng tới;
- b. Tìm ý, lập dàn ý cho bài viết; kiểm tra về tính hợp lí của dàn ý (trao đổi với bạn cùng nhóm nếu có điều kiện) và chỉnh sửa, hoàn tất dàn ý của mình;
- c. Dựa vào dàn ý, viết đoạn mở bài và một trong số các đoạn thuộc phần thân bài; tự đánh giá, chỉnh sửa các đoạn văn đã viết (sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài đánh giá, phân tích đã sử dụng ở câu 1);
- d. Viết tiếp các đoạn thân bài, kết bài và hoàn tất bài viết;
- e. Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm (sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài đánh giá, phân tích đã sử dụng ở câu 1).

### IV. NÓI VÀ NGHE

#### Bài tập: Đọc đề bài dưới đây:

**Đề bài:** Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một trong những tác phẩm sau:

- Trích đoạn màn *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, tuồng đồ) [1]
- *Đất rừng phương Nam* (trích) [2]
- *Tôi thích làm vua* [3]

1. Bạn hãy:
  - a. Tìm ý, lập dàn ý cho bài trình bày;
  - b. Luyện tập và trình bày bài nói theo dàn bài đã chuẩn bị.
2. Giả định rằng, người nghe nêu lên một số câu hỏi liên quan đến các vấn đề trên, chẳng hạn:
  - Chỉ ra những tình huống xung đột, mâu thuẫn trong đoạn kịch *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến, tuồng đồ*).
  - Chỉ ra những điểm đặc sắc nhất về nội dung của đoạn kịch *Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu mắc lõm Thị Hến* (trích *Nghêu, Sò, Ốc, Hến, tuồng đồ*).
  - Theo bạn, đâu là điểm hấp dẫn trong cách kể chuyện của *Đất rừng phương Nam* (trích)?
    - Trong câu chuyện *Tôi thích làm vua*, triết lí ẩn sâu được thể hiện qua tình huống như thế nào?

Cho biết cách bạn sẽ tiếp nhận câu hỏi dành cho mình, nội dung trả lời và cách bạn đưa ra câu trả lời ấy.

## **PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG TRẢ LỜI CÂU HỎI** **VÀ GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP**

### I. ĐỌC

#### Câu 1

**Yêu cầu:** Tóm tắt các sự kiện chính được kể trong văn bản.

**Gợi ý:** Phần này bạn có thể lập bảng liệt kê các sự kiện chính được kể trong truyện *Tôi thích làm vua*. Chú ý phân biệt đâu là sự kiện chính, đâu là sự kiện không quan trọng.

Những sự kiện chính cần nêu: giới thiệu về cù lao nơi có ba ngôi làng, về đoàn hát về diễn ở cù lao, về người chú nghệ sĩ và việc tập tuồng cho đám trẻ trong làng, về cuộc đối thoại và cách phân vai của người chú và nhân vật chính, về những suy ngẫm của nhân vật về triết lí của người chú khi nhân vật đã trưởng thành,...

## Câu 2

**Yêu cầu:** Chỉ ra những dấu hiệu nhận biết *Tôi thích làm vua* là văn bản truyện.

**Gợi ý:** Để trả lời câu hỏi này, bạn nên tiến hành hai bước sau:

– Trước hết, bạn cần xem lại khái niệm truyện và đặc điểm cơ bản của truyện qua các yếu tố như: nhân vật, câu chuyện, người kể chuyện, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời của nhân vật,... trong phần *Tri thức ngữ văn*.

– Tiếp theo, bạn đối chiếu khái niệm cũng như đặc điểm các yếu tố của truyện với biểu hiện của chúng trong văn bản để đưa ra kết luận.

– Khi trình bày các dấu hiệu nhận biết văn bản truyện, bạn cần đưa ra bằng chứng tiêu lấy từ văn bản.

Ví dụ: Truyện *Tôi thích làm vua* có hệ thống nhân vật nào? Kể tên các nhân vật. Câu chuyện chính trong truyện nói về điều gì? Câu chuyện được kể qua điểm nhìn của ai? Các đối thoại trong truyện là của các nhân vật nào?...

## Câu 3

**Yêu cầu:** Xác định được chủ đề, thông điệp của văn bản truyện.

**Gợi ý:** Với câu hỏi này bạn phải thực hiện hai yêu cầu song song. Đó là xác định chủ đề và thông điệp của văn bản truyện mà phải có những căn cứ là các dẫn chứng trong văn bản thể hiện chủ đề, thông điệp đó.

– Bạn đọc lại mục từ *chủ đề* trong phần *Tri thức ngữ văn*. Xác định lại những căn cứ để xác định chủ đề như nhan đề truyện, sự kiện chính được kể, một số câu văn, từ ngữ quan trọng,... và đó chính là dẫn chứng để dựa vào đó xác định chủ đề.

Ví dụ: Nhan đề “Tôi thích làm vua” gợi lên câu chuyện đóng kịch của nhóm trẻ em ở cù lao; qua các sự kiện chính là người chú lập một nhóm kịch cho trẻ em ở đây và việc phân vai; những câu văn, từ ngữ quan trọng như: “Tôi chờ hoài mà không thấy chú tập vai vua”, “Con thích làm vua”, đoạn giảng giải của người chú về các loại vai trong đó có vai vua,...

Từ đó, có thể thấy chủ đề của văn bản truyện có thể như sau:

+ Câu chuyện học tuồng của một nhóm trẻ em ở cù lao sông Tiền.

+ Câu chuyện học tuồng của một nhóm trẻ em ở cù lao sông Tiền và sự quan trọng của các vai trong một vở tuồng, đặc biệt là vai vua.

...

– Bạn đọc lại mục từ *thông điệp* trong phần *Tri thức ngũ văn*. Tìm xem đâu là ý tưởng quan trọng nhất, hay bài học mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua các hình tượng nghệ thuật. Thông điệp trong văn bản trên là bài học hay cách ứng xử hay triết lí sống mà tác giả muốn truyền đạt.

Từ chủ đề đã phân tích và chỉ ra ở trên, có thể thấy qua hai hình tượng nghệ thuật người chú và nhân vật “tôi”, qua những đối thoại mang tính triết lí của hai chú cháu, chúng ta nhận ra thông điệp của tác phẩm có thể là:

- + Triết lí về vai vua trong sân khấu và ngoài đời của tác giả.
- + Những suy ngẫm của tác giả về những vai tuồng trên sân khấu và liên hệ thực tế.

#### Câu 4

**Yêu cầu:** Xác định văn bản trên được kể theo điểm nhìn của nhân vật nào và tác dụng của cách kể đó.

**Gợi ý:** Bạn cần xác định các yếu tố: người kể chuyện, nội dung câu chuyện, điểm nhìn, lời của người kể chuyện (lời kể) trong văn bản. Do vậy trước hết, bạn cần nắm vững các khái niệm thuộc tri thức đọc hiểu nêu trên.

Đáp án tham khảo cho câu 4:

<i>Điểm nhìn</i>	Điểm nhìn của nhân vật chính trùng với điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ nhất.
<i>Người kể chuyện</i>	Người kể chuyện ngôi thứ nhất.
<i>Tác dụng</i>	Giúp nội dung câu chuyện được kể chi tiết, sát với dụng ý tác giả. Người kể chuyện là một đứa trẻ và sau đó trưởng thành, điều này giúp cho thông điệp và tư tưởng của tác phẩm được truyền đạt, chiêm nghiệm tốt hơn.

#### Câu 5

**Yêu cầu:** Phát biểu cảm nhận về nhân vật người chú và xác định được vai trò của nhân vật này trong việc thể hiện chủ đề và thông điệp của văn bản truyện.

**Gợi ý:** Nắm vững khái niệm câu chuyện, nhân vật trong phần *Tri thức ngũ văn*. Chú ý đến các thành tố tạo nên đặc điểm, tính cách nhân vật

như hành động, lời nói, ý nghĩ, nhận xét của các nhân vật khác,... Từ đó nhận xét về nhân vật người chú:

- Xuất thân: từ cù lao sông Tiền trở thành một thầy tuồng, trở về cù lao một thời gian.
- Hành động: tập kịch cho các bạn trẻ, phân chia các vai.
- Đối thoại: đoạn đối thoại với người cháu về việc phân vai.
- Suy nghĩ: thể hiện qua đoạn đối thoại về tính chất, vai trò các loại vai.

Đặc biệt là từ những đối thoại, diễn giải của người chú về tính chất, đặc điểm của những vai diễn, suy rộng ra ngoài đời, bạn có thể thấy được vai trò chủ đạo của nhân vật này trong việc thể hiện chủ đề và thông điệp của văn bản.

## Câu 6

**Yêu cầu:** Phân tích được đặc điểm tính cách của nhân vật “tôi” và người chú thông qua cuộc trò chuyện giữa hai nhân vật này.

**Gợi ý:** Nắm vững khái niệm *nhân vật* trong phần *Tri thức ngữ văn*, đặc biệt, chú trọng đến ngôn ngữ, lời nói, đánh giá, nhận xét trong việc hiểu thêm tính cách nhân vật. Sau đó, đọc lại cuộc trò chuyện giữa hai nhân vật “tôi” và người chú về việc phân vai trong vở tuồng.

Từ đó nhận xét qua cuộc đối thoại, bạn thấy người chú có tính cách thế nào? Còn nhân vật tôi có tính cách thế nào? Hai nhân vật được tác giả xây dựng có thể nói là đối lập nhau về tuổi đời, sự trải nghiệm, kinh nghiệm sống,... và qua những đối thoại bạn có thể thấy rõ chủ ý này của tác giả trong việc xây dựng tính cách các nhân vật.

Ví dụ: người chú: am hiểu, uyên bác đồng thời giàu kinh nghiệm sống; người cháu: ngây thơ, hồn nhiên, chưa có nhiều kinh nghiệm sống.

## Câu 7

**Yêu cầu:** Điền vào bảng một đặc điểm mà bạn cho là nổi bật của các yếu tố: *người kể chuyện, nội dung câu chuyện, điểm nhìn, lời của người kể chuyện* trong tương quan với *lời của nhân vật* trong hai văn bản *Tôi thích làm vua* và *văn bản Đất rừng phương Nam (trích)* (làm vào vở).

**Gợi ý:** Đọc lại kiến thức về người kể chuyện, nội dung câu chuyện, điểm nhìn, lời của người kể chuyện trong tương quan với lời của nhân vật.

Các yếu tố	Đất rừng phương Nam (trích)	Tôi thích làm vua
Người kể chuyện	Tôi	Tôi
Nội dung câu chuyện	Câu chuyện đi lấy mật ở vùng U Minh Hạ.	Câu chuyện về việc phân vai trong một vở tuồng.
Điểm nhìn	Điểm nhìn của nhân vật trùng với điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ nhất.	Điểm nhìn của nhân vật chính trùng với điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ nhất.
Lời người kể chuyện	Người kể chuyện ngôi thứ ba.	Người kể chuyện ngôi thứ nhất.

## Câu 8

**Yêu cầu:** Nhận xét về cách kể chuyện của hai nhà văn Nam Bộ (Đoàn Giới và Nguyễn Quang Sáng) trong hai văn bản *Đất rừng phương Nam (trích)* và *Tôi thích làm vua*.

**Gợi ý:** Đây là câu hỏi mở. Bạn cần phát biểu cảm nhận riêng của mình dựa trên việc đã đọc kỹ hai văn bản, đọc kỹ các đặc điểm của truyện. Có thể là cảm nhận về cách sử dụng ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ nhân vật, cách dẫn dắt câu chuyện, cách miêu tả cảnh vật Nam Bộ,... Đoàn Giới và Nguyễn Quang Sáng đều là hai nhà văn Nam Bộ tiêu biểu nên khi nhận xét bạn sẽ rút ra nhiều điều về văn chương Nam Bộ nói chung.

## II. TIẾNG VIỆT

### Câu 1

**Yêu cầu:** Tìm những câu có sử dụng biện pháp tu từ chèm xen trong văn bản *Tôi thích làm vua* và chỉ ra tác dụng của các biện pháp ấy.

**Gợi ý:** Khi thực hiện bài tập này, bạn lưu ý:

- Ôn lại kiến thức về biện pháp tu từ chèm xen (*Tri thức Ngữ văn*);
- Tìm kiếm các câu có sử dụng biện pháp tu từ chèm xen trong văn bản *Tôi thích làm vua*. Liệt kê bằng cách viết ra hoặc đánh dấu trong sách.
- Chỉ ra tác dụng của biện pháp ấy trong từng trường hợp.

### Câu 2

**Yêu cầu:** Tìm những câu có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê trong hai văn bản *Đất rừng phương Nam (trích)* (SGK Ngữ văn 10, tập hai) và *Tôi thích làm vua*.

**Gợi ý:** Khi thực hiện bài tập này, bạn lưu ý:

- Ôn lại kiến thức về biện pháp tu từ liệt kê (*Tri thức ngữ văn*);
- Tìm kiếm các câu có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê trong hai văn bản *Đất rừng phương Nam (trích)* và *Tôi thích làm vua*. Liệt kê bằng cách viết ra hoặc đánh dấu trong sách.

### Câu 3

**Yêu cầu:** Chỉ ra biện pháp liệt kê trong các trường hợp sau. Xác định xem đây là kiểu liệt kê theo từng cặp hay không theo từng cặp; kiểu liệt kê tăng tiến hay không tăng tiến.

**Gợi ý:** Trước hết, sau khi nắm rõ kiến thức về biện pháp tu từ liệt kê, bạn hãy đánh dấu hoặc gạch dưới thành phần liệt kê trong các câu đã cho (như gợi ý bên dưới).

a. *Mỹ Tân, Mỹ Phú, Mỹ Hoà*

*Ba làng nhập lại không ra cái làng nào.*

b. *Tuồng này có một ông vua; hai ông quan – một nịnh, một trung; một anh hùng; một ái khanh; một thằng quân.*

Lưu ý: Trong ngũ liệu b, có một phép liệt kê (*một nịnh, một trung*) nằm trong phép liệt kê lớn hơn.

c. *Chú dạy chúng tôi thay nhau đóng vai nịnh, vai trung, vai hùng, vai quân.*

d. *Già trẻ bé lớn ai cũng nôn nao với tiếng trống rao hàng của chiếc xe ngựa chạy qua đường.*

e. *Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo uớt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách.*

Sau đó, bạn hãy nhận xét từng phép liệt kê xem đó là kiểu liệt kê theo từng cặp hay không theo từng cặp; kiểu liệt kê tăng tiến hay không tăng tiến. Vì sao bạn lại xác định như vậy?

Lưu ý: Khi nói đến kiểu liệt kê theo từng cặp hay không theo từng cặp là chúng ta đang xét về mặt cấu tạo của phép liệt kê, còn khi nói đến kiểu liệt kê tăng tiến hay không tăng tiến là đang nói đến mặt ý nghĩa. Liệt kê tăng tiến là kiểu liệt kê có hướng: các bộ phận trong phép liệt kê này được sắp xếp theo một trình tự nhất định (từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh,...).

## Câu 4

**Yêu cầu:** Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật chèm xen trong các trường hợp sau.

**Gợi ý:** Trước hết, sau khi nắm rõ kiến thức về biện pháp tu từ chèm xen, bạn hãy đánh dấu hoặc gạch dưới thành phần chèm xen trong các câu trên.

Sau đó, bạn hãy nhận xét xem ở từng trường hợp, thành phần này để làm gì (có tác dụng làm cho câu văn rõ nghĩa hơn, cụ thể hơn như thế nào?).

## Câu 5

**Yêu cầu:** Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê và chèm xen nói về một trong hai nội dung của đề bài.

**Gợi ý:** Đây là bài tập viết ngắn, kết nối viết với đọc, bạn nên:

– Xác định rõ yêu cầu của đề bài để đoạn văn của bạn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ấy;

– Phải có ít nhất một thành phần liệt kê và chèm xen. Bài tập này giúp các bạn thực hành việc đặt thành phần liệt kê và chèm xen vào bài viết của mình như thế nào, đồng thời tự nhận định tác dụng của hai thành phần này trong đoạn văn của bạn.

## III. VIẾT

### Bài tập

**Câu 1:** Bạn đọc lại kĩ hơn bài viết “Thực tế và mộng tưởng trong Cô bé bán diêm (Andersen)” (Bài 8) rồi dùng bảng kiểm dưới đây, kiểm tra lại xem bài viết ấy đã đáp ứng các tiêu chí về kỹ năng viết bài đánh giá, phân tích như thế nào.

**Bảng kiểm kỹ năng viết bài phân tích, đánh giá  
nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch**

Các phần và yêu cầu về diễn đạt	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch (tên tác phẩm, thể loại, tác giả,...).		
	Nêu nội dung khái quát cần phân tích, đánh giá.		

<b>Thân bài</b>	Xác định chủ đề của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.		
	Phân tích, đánh giá các khía cạnh trong chủ đề của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.		
	Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch sát với đặc trưng thể loại.		
	Đánh giá tác dụng của những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.		
	Lập luận chặt chẽ, thể hiện được những suy nghĩ, cảm nhận của người viết về tác phẩm.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
<b>Kết bài</b>	Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của tác phẩm.		
	Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thường thức tác phẩm.		
<b>Yêu cầu về diễn đạt</b>	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

Hãy kiên trì làm bài tập này, nó sẽ giúp bạn nắm vững hơn về các tiêu chí cần đáp ứng đối với kiểu bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch, đồng thời giúp bạn có kỹ năng đánh giá các bài viết của mình chuẩn xác, thành thạo hơn.

**Câu 2:** Trước tiên bạn cần xem lại: 1) Tri thức về kiểu bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch; 2) Chức năng và cách thức thực hiện từng bước trong quy trình viết (*Chuẩn bị viết; Tìm ý và lập dàn ý; Viết bài; Xem lại và chỉnh sửa*). Đừng nghĩ rằng đây là công việc lặp lại một cách đơn điệu, kém hứng thú. Nó sẽ giúp bạn thực hiện yêu cầu của bài tập một cách trôi chảy và bài bản hơn.

– Từ đó, thực hiện yêu cầu a và b. Trong yêu cầu a, **xác định đề tài** là quan trọng nhất. Trong yêu cầu b, **làm được dàn ý** là quan trọng nhất.

– Với yêu cầu c, bạn dựa vào dàn ý đã hoàn thành của yêu cầu b, viết đoạn mở bài và một trong số các đoạn thuộc phần thân bài; tự đánh giá, chỉnh sửa các đoạn văn đã viết (sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài đánh giá, phân tích đã sử dụng ở câu 1);

- Yêu cầu d, bạn **viết tiếp** các đoạn thân bài, kết bài và hoàn tất bài viết;
- Như vậy từng bước của các yêu cầu a, b, c, d giúp bạn tập được thói quen lập ra cho mình một quy trình viết bài chặt chẽ, thứ tự và hợp lí cho kiểu bài phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm tự sự hoặc tác phẩm kịch.
- Cuối cùng, sau khi đã viết xong, bạn thực hiện yêu cầu đ. đọc lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm (sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài đánh giá, phân tích đã sử dụng ở câu 1).
- Hãy xem mỗi yêu cầu là một bài tập nhỏ, và bạn cần tạo được sản phẩm (viết ra giấy) cho từng bài tập nhỏ này (kể cả khâu xác định đề tài, mục đích viết, người đọc mà bài viết hướng tới cũng như khâu làm dàn ý). Khâu nào cũng cần đầu tư để sản phẩm hoàn chỉnh, đầy đủ.

Bạn nên dựa vào sơ đồ dàn bài (SGK) để phác thảo dàn ý. Ví dụ bạn chọn đề [2] *Đất rừng phương Nam (trích)*, dàn ý có thể như sau:

<b>Mở bài</b>	Giới thiệu tác phẩm, tác giả. Nêu các giá trị sẽ phân tích, đánh giá.
<b>Thân bài</b>	<p>Luận điểm 1. Chủ đề của văn bản: trí tuệ và sự thông minh của người dân Nam Bộ trong quá trình khai thác tài nguyên thiên nhiên. Tìm những dẫn chứng để chứng minh chủ đề này như: cách thức gác kèo ong, cách thức lấy mật ong,...</p> <p>Luận điểm 2. Những điểm đặc sắc về hình thức nghệ thuật: cách kể chuyện, cách xây dựng nhân vật, cách miêu tả phong cảnh. Ở mỗi ý nhỏ cần có những dẫn chứng cụ thể để chứng minh.</p>
<b>Kết bài</b>	Khẳng định lại giá trị của văn bản và nêu tác động của văn bản đối với bạn

## IV. NÓI VÀ NGHE

### Bài tập

#### Câu 1

**Gợi ý:** Bạn trình bày bài nói của mình cùng đề tài với bài viết, bạn có thể tận dụng dàn bài và nội dung đã viết để điều chỉnh thành bài nói.

Sau đó, bạn thực hiện khâu luyện tập cách trình bày, và đề ra phương án chỉnh sửa bài trình bày của mình sau khi đã tự đánh giá trong vai người nói và trong vai người nghe (theo hướng dẫn trong SGK).

## Mở đầu

- Lời chào và tự giới thiệu.
- Nêu vấn đề: Việc phân tích, đánh giá những nét đặc sắc của một văn bản truyện hay kịch đem lại cho người đọc một nhận thức sâu sắc hơn về văn bản đó. Tôi sẽ lấy ví dụ qua việc phân tích, đánh giá văn bản *Đất rừng phương Nam (trích)* của nhà văn Đoàn Giỏi.

## Phần chính

**Trình bày luận điểm 1:** Chủ đề của văn bản là gì? Đó là nêu bật sự thông minh, mưu trí của con người Nam Bộ trong quá trình khai thác tài nguyên thiên nhiên vùng đất này mà không làm tổn hại đến tự nhiên. Đồng thời ca ngợi tình nghĩa, gắn bó của cộng đồng cư dân này.

- Lí lẽ 1: Sự thông minh, tính thực tiễn.

Bằng chứng: cách gác kèo ong và cách lấy mật ong.

- Lí lẽ 2: Sự gắn bó, nghĩa tình.

Bằng chứng: má và tía nuôi của An rất thương An, xem như con đẻ. An và Cò rất thân thiết với nhau.

**Trình bày luận điểm 2:** Những nét đặc sắc về nghệ thuật.

- Lí lẽ 1: Cách kể chuyện lôi cuốn, hấp dẫn.

Bằng chứng: câu chuyện được kể qua ngôi thứ nhất (tôi – An), ngắn gọn nhưng thu hút, có đầu có đuôi, hấp dẫn.

- Lí lẽ 2: Xây dựng nhân vật sinh động.

Bằng chứng: các nhân vật (An, Cò, tía nuôi) được miêu tả cụ thể về ngoại hình, ngôn ngữ, tính cách,...

- Lí lẽ 3: Miêu tả phong cảnh Nam Bộ vừa lạ lùng, độc đáo mà cũng thân thuộc.

Bằng chứng: tìm những câu văn tả cảnh: tả thiên nhiên, các loài động vật, đàn chim, ong, các loài bò sát, những từ ngữ đậm phương ngữ Nam Bộ,...

## Kết bài

- Nêu bật giá trị của văn bản: Văn bản đem lại những hiểu biết về Nam Bộ thời kì khẩn hoang, về tính cách con người Nam Bộ.

- Tác động của văn bản đối với chính bạn: giúp bạn yêu thêm vùng đất quê hương, trân trọng những đóng góp của tiền nhân vào việc xây dựng quê hương giàu đẹp, trù phú.

## Câu 2

**Gợi ý:** Trước hết, bạn căn cứ vào đề tài, nội dung vấn đề trong bài trình bày của mình để chọn ra các câu hỏi có liên quan trong bài tập 2. Chẳng hạn, nếu bài trình bày của bạn xoay quanh *Đất rừng phương Nam (trích)* [2] thì câu hỏi từ phía người nghe dành cho bạn có thể là:

“– Theo bạn đâu là điểm hấp dẫn trong cách kể chuyện của *Đất rừng phương Nam* (trích)?

– Bạn có thể trích dẫn một số tục ngữ, thành ngữ để minh chứng thêm cho lí lẽ con người Nam Bộ nghĩa tình, hay phong cảnh Nam Bộ hoang sơ, độc đáo của mình hay không?”

Kèm theo là yêu cầu: “Cho biết cách bạn sẽ tiếp nhận câu hỏi dành cho mình, nội dung trả lời và cách bạn đưa ra câu trả lời ấy”.

Nếu bài trình bày của bạn xoay quanh *Tôi thích làm vua* [3] thì câu hỏi từ phía người nghe dành cho bạn có thể là:

“– Bạn đã từng xem một vở tuồng hát truyền thống nào chưa?

– Bạn có từng tham gia đóng một vai nào trong các vở kịch của lớp, trường chưa?”

Kèm theo là yêu cầu: “Cho biết cách bạn sẽ tiếp nhận câu hỏi dành cho mình, nội dung trả lời và cách bạn đưa ra câu trả lời ấy”.

Để đáp ứng những yêu cầu trên của đề bài, bạn cần:

1. Tiếp nhận ghi chép câu hỏi từ phía người nghe với thái độ điềm tĩnh, trân trọng, kể cả với những người nghe hỏi những câu hỏi ít liên quan, hơi xa bài nói.

2. Xem lại phần hướng dẫn thực hiện bài nói ở bước 4. Trao đổi và đánh giá, trong vai trò người nói.

3. Tìm ý và phác thảo câu trả lời ngắn gọn nhưng tương đối cụ thể cho các câu hỏi liên quan đến bài trình bày này của mình.

Về nội dung các câu trả lời, bạn lưu ý cần phân loại câu hỏi để có phương án trả lời sao cho phù hợp.

Có những câu hỏi mà câu trả lời của bạn chỉ cần nhắc lại nội dung bạn đã trình bày, nhấn mạnh, bổ sung thêm.

Có những câu hỏi, tuy ít liên quan hoặc hơi xa vấn đề mình trình bày song bạn vẫn nên vui vẻ nhã nhặn đưa ra trả lời, hoặc là thật ngắn gọn, hoặc là tận dụng việc đưa ra câu trả lời như một cơ hội để giao lưu, thể hiện sự thân thiện, chân thành của mình đối với người nghe. Chẳng hạn, câu hỏi: “– Bạn có từng tham gia đóng một vai nào trong các vở kịch của lớp, trường chưa?” là một cơ hội như thế, bạn nên sẵn lòng kể lại tình huống mình tham gia đóng kịch, như nhắc lại một kỉ niệm, chia sẻ kinh nghiệm,…

## BÀI 9

# KHÁT VỌNG ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)

### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết thông qua các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản; nhận biết và phân tích được cách sắp xếp, trình bày luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của tác giả; vai trò của các yếu tố biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử hoặc bối cảnh văn hoá, xã hội (qua văn bản và từ văn bản); nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.
- Nhận biết và chỉnh sửa được các lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.
- Viết được một bài luận về bản thân.
- Biết thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Biết trân trọng lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

### PHẦN 1. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

#### I. ĐỌC

Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

#### CHIẾU CÂU HIỀN

Ngô Thị Nhậm

#### BỐI CẢNH RA ĐỜI CỦA BÀI CHIẾU CÂU HIỀN

Khi thành lập nhà nước Tây Sơn, có một nhiệm vụ mang tầm quan trọng chiến lược đối với vua Quang Trung là thuyết phục trí thức Bắc Hà hiểu đúng những nhiệm vụ xây dựng đất nước mà triều đại Tây Sơn dự kiến thực hiện, để họ cộng tác, cống hiến cho triều đại mới.

Sở dĩ kẻ sĩ Bắc Hà còn ở ẩn, chưa muốn cộng tác với triều đại mới là bởi hai lí do. Thứ nhất, trong bối cảnh xã hội loạn lạc, vua Lê chúa Trịnh mâu thuẫn, kẻ sĩ rơi vào cảnh lúng túng, chán nản, bi quan. Nhiều người không muốn tham gia chính sự vì sợ liên lụy hoặc muốn bảo toàn nhân cách nhà nho, "tôi trung không thờ hai chủ". Thứ hai, bên cạnh những nhà nho sáng suốt ủng hộ nhà Tây Sơn, vẫn còn nhiều nhà nho bảo thủ đã bất hợp tác, thậm chí chống lại nhà Tây Sơn.

Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì nhu ngôi sao sáng trên cao. Sao sáng át chầu về ngôi Bắc Thần, người hiền át làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.

Trước đây, thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngòi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, đường như muối lẩn tránh suốt đời.

Nay trẫm ghé chiếu lăng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đổ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?

Kì như, trời còn tăm tối, thì đấng quân tử phải trổ tài. Nay đương ở buổi đầu của nền đại định, công việc mới mở ra. Kì cương nơi triều chính còn nhiều khiếm khuyết, công việc ngoài biên đường phải lo toan. Dân còn nhọc mệt chưa lại súc, mà đức hoá của trẫm chưa kịp thẩm nhuần khắp nơi. Trẫm nom nớp lo lắng, ngày một ngày hai vạn việc nảy sinh. Nghĩ cho kĩ thì thấy rằng: Một cái cột không thể đỡ nổi một căn nhà lớn, mưu lược một người không thể dựng nghiệp trị bình. Suy đi tính lại trong vòm trời này, cứ cái ấp mười nhà át phải có người trung thành tín nghĩa. Huống nay trên dải đất văn hiến rộng lớn thế này, há trong đó lại không có lấy một người tài danh nào ra phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?

Chiếu này ban xuống, các bậc quan viên lớn nhỏ, cùng với thú dân tramped họ, người nào có tài năng học thuật, mưu hay hơn đời, cho phép được dâng sớ tâu bày sự việc. Lời nói nào có thể chọn dùng được, thì cất nhắc không kể thứ bậc; chỗ nào không dùng được thì gác lại, không vì lời nói sơ suất vu khoát mà bắt tội. Còn người có nghề hay nghiệp giỏi, có thể cống hiến cho đời, thì cho phép các quan văn võ được tiến cử, nhưng vẫn dẫn vào đọi ra mắt, tùy tài lục dụng. Hoặc người nào từ trước đến nay tài năng còn bị che kín, chưa được người đời biết đến, thì cũng cho phép dâng sớ tự tiến cử, chó hiềm vì mưu lợi mà phải bán rao.

Này! Trong khoảng trời đất, hiền tài còn ẩn náu, trước đây thì nên như thế. Nay trời trong sáng, đất thanh bình, chính là lúc người hiền gặp hội gió mây, những ai có tài đức hãy cùng cố gắng lên, khi tên tại triều đình, cùng nhau cung kính, cùng nhau hưởng phúc lành tôn vinh.

Vậy bối cáo gần xa để mọi người đều biết.

(Theo *Ngô Thị Nhậm toàn tập*, tập II, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004)

1. Vẽ sơ đồ thể hiện luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. Văn bản *Chiếu cầu hiền* được viết ra để làm gì? Xác định quan điểm của Ngô Thị Nhậm trong bài chiếu.
2. Bạn hãy tìm hiểu quan niệm của người xưa về vai trò, trách nhiệm của kẻ sĩ với vua, với đất nước. Từ đó, bạn hãy lý giải nguyên nhân Ngô Thị Nhậm triển khai luận điểm đầu tiên trong bài chiếu.
3. Theo bạn, trình tự các luận điểm trong bài *Chiếu cầu hiền* có thay đổi được hay không? Từ đó, hãy nhận xét về cách sắp xếp các luận điểm của tác giả.
4. Xác định một số yếu tố biểu cảm trong bài *Chiếu cầu hiền* và nêu tác dụng của các yếu tố biểu cảm ấy.
5. Từ bài *Chiếu cầu hiền*, bạn có suy nghĩ gì về vai trò của hiền tài trong xã hội xưa và nay? Hãy nêu một số ví dụ về người hiền tài có đóng góp, cống hiến cho xã hội mà bạn ấn tượng sâu sắc.

## II. TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện trong các trường hợp dưới đây:

- a. Bài thơ mở đầu bằng một câu thơ ngắn với bốn tiếng:

### Bầu trời cảnh Bụt

Toàn bài đều viết bằng những câu dài với 7 hoặc 8 tiếng, duy chỉ có câu đầu này là ngắn đặc biệt nhưng cái hình thức kia đâu phải ngẫu nhiên.

Câu thơ vẽ không gian, một không gian kì ảo và thơ mộng. Câu thơ như tiếng reo khe khẽ: Đây là cảnh Bụt. Nó không phải Tây Trúc nhưng cảnh sắc dưới bầu trời nơi đây đều thuộc về *cõi Bụt*.

- b. Tất cả hình ảnh, âm thanh và màu sắc trong đoạn thơ này đều nhằm nói lên sự khác biệt của mùa thu này.

Hình ảnh tươi mát, sống động: gió thổi rùng tre pháp phói; âm thanh rộn rã: nói cười thiết tha; còn màu sắc thì trong biếc. Cái buồn, cái lạnh của “những ngày thu đã xa” giờ không còn nữa. Chính niềm vui trong đôi mắt thi sĩ đã làm nên vẻ đẹp sáng trong của mùa thu nay. Nguyên nhân của niềm vui ấy thật to lớn, sâu xa. Đó là nước nhà đã được độc lập, nhân dân ta đã là chủ nhân của đất nước. Nhà thơ muốn reo lên cùng niềm hạnh phúc tột cùng:

*Trời xanh đây là của chúng ta  
Núi rừng đây là của chúng ta  
Những cánh đồng thơm mát  
Những ngả đường bát ngát  
Những dòng sông đó nặng phù sa*

- c. Chí Phèo là người nông dân lương thiện bị đẩy vào con đường lừa manh hoá. Chí vốn là người nông dân hiền lành như đất, biết tự trọng, biết khinh cái đáng khinh, có một uớc mơ về mái ấm gia đình thật bình dị.

Thế nhưng, xã hội cũ đã khiến cho Chí không được sống đúng như bản chất, như điều mình mong muốn. Bị Bá Kiến lợi dụng, Chí Phèo đã trở thành công cụ lợi hại của giai cấp thống trị. Chí Phèo sống bằng nghề rạch mặt ăn vạ, cướp giật, bán rẻ cả nhân hình lẫn nhân tính.

2. Chỉ ra lỗi về mạch lạc trong trường hợp dưới đây và nêu cách sửa:

Chỉ qua mấy đoạn thơ tiêu biểu trong *Bên kia sông Dũng* (Hoàng Cầm), *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi), *Mặt đường khát vọng* (Nguyễn Khoa Điềm), ta có thể thấy đất nước hiện lên với nhiều vẻ đẹp sinh động. Trước hết, đó là vẻ đẹp của thiên nhiên. Đó là cảnh vật vùng xuôi với “những cánh đồng thơm mát”, “những ngả đường bát ngát”, “những dòng sông đó nặng phù sa”; đó là những mùi hương “lúa nếp thơm nồng”, “gió thổi mùa thu hương cối mồi” – hương thơm của mùa thu – mùa đẹp nhất trong năm. Đó còn là phong cảnh đặc trưng của miền ngược từ “rừng tre pháp phói” đến những con thuyền “độc mộc” trên cái nền hoang dã, dữ dội của “thác lũ” tương phản với vẻ đẹp mềm mại, uyển chuyển của “hoa đong đưa”. Còn những con người trên đất nước này thì sao?

Thơ ca còn làm chứng nhân ghi nhận cả những trang quá khứ đau thương và anh hùng ca của lịch sử dân tộc. Đây là thảm trạng do quân cuồng nước gây ra:

*Ruộng ta khô, nhà ta cháy  
Chó ngộ một đàn  
Lưỡi dài lê sắc máu  
Kiệt cùng ngõ thẳm bờ hoang*

(Bên kia sông Đuống)

Và nỗi đau chia cắt hạnh phúc do chiến tranh vô cùng đau đớn:

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi vọng phu*  
(Mặt đường khát vọng)

Còn đây là dấu tích chiến công cứu nước anh hùng:

*Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại*  
(Mặt đường khát vọng)

Hay lời nhấn gửi âm thầm nhưng sâu thẳm của truyền thống quật cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam:

*Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*  
(Đất nước)

### III. VIẾT

#### Bài tập

- Trình bày khái niệm và yêu cầu đối với bài luận về bản thân.
- Một bài luận về bản thân thường có bố cục như thế nào?
- Trình bày ngắn gọn các bước thực hiện bài luận dựa vào bảng sau:

Bước	Thao tác cần làm	Lưu ý
Bước 1: Chuẩn bị viết		
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý		
Bước 3: Viết bài		
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa		

#### 4. Cho đề bài sau:

**Đề bài:** Sắp tới, trường bạn có chương trình giao lưu quốc tế, sẽ tiếp đón một đoàn học sinh từ các nước đến thăm trường. Nhà trường cần tuyển tình nguyện viên để giao lưu với các bạn học sinh quốc tế, hướng dẫn các bạn tham quan trường, cùng tham gia các hoạt động đội nhóm trong buổi giao lưu. Bạn hãy viết một bài luận về bản thân để ứng tuyển vào vị trí tình nguyện viên cho chương trình.

- a. Em hãy lập dàn ý cho đề bài trên.
- b. Hãy viết phần mở đầu cho bài luận để giới thiệu bản thân một cách ấn tượng.

## IV. NÓI VÀ NGHE

**Bài tập:** Đọc đề bài dưới đây:

**Đề bài:** Nhằm chào mừng Tháng Thanh niên, Đoàn Thanh niên trường của bạn tổ chức cuộc thi thuyết trình “Học sinh và vấn đề bảo vệ môi trường trong nhà trường” với yêu cầu bài thuyết trình có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

Bạn hãy:

- a. Xác định đề tài, mục đích, người nghe, không gian và thời gian thuyết trình. Có thể lựa chọn một trong những vấn đề sau:
  - (1) Biện pháp phòng, chống rác thải nhựa trong trường học.
  - (2) Làm thế nào để tái chế rác thải hữu cơ?
  - (3) Dự án cải tạo cảnh quan trường học xanh – sạch – đẹp.
- b. Tìm ý và lập dàn ý cho bài thuyết trình về vấn đề đã chọn.
- c. Tự luyện tập và trình bày bài thuyết trình theo dàn ý đã chuẩn bị. Sau đó, sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kỹ năng thuyết trình thông qua phần luyện tập.
- d. Lập danh sách các câu hỏi và những phản hồi mà bạn dự kiến người nghe sẽ đưa ra để chuẩn bị nội dung trao đổi.

## **PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP**

### **I. ĐỌC**

#### **Câu 1**

**Yêu cầu:** Bạn dựa vào bối cảnh bài *Chiếu cầu hiền* để xác định luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vẽ sơ đồ.

*Gợi ý:*

– Luận điểm 1 (Từ “Từng nghe nói rằng...” đến “sinh ra người hiền vậy”): Vai trò, sứ mệnh của người hiền tài.

– Luận điểm 2 (Từ “Trước đây, thời thế suy vi...” đến “phò giúp cho chính quyền buổi ban đầu của trẫm hay sao?”): Sự khác nhau về thời thế trước đây và hiện nay và cách ứng xử phù hợp của người hiền.

– Luận điểm 3 (Từ “Chiếu này ban xuống...” đến hết): Đường lối cầu hiền của vua Quang Trung.

– *Chiếu cầu hiền* được viết ra nhằm mục đích thuyết phục sĩ phu Bắc Hà tin vào những dự định xây dựng đất nước của vua Quang Trung, từ đó hợp tác, phục vụ cho triều đình mới.

– Quan điểm của Ngô Thì Nhậm trong bài chiếu: Bối cảnh lúc bấy giờ đã khác, đất nước nhân dân đang cần, người hiền tài nên ra sức cống hiến để giúp vua trị nước cứu đói.

#### **Câu 2**

**Yêu cầu:** Giúp HS phân tích được bối cảnh văn hoá xã hội thể hiện trong văn bản.

*Gợi ý:*

– Quan niệm của người xưa về vai trò, trách nhiệm của kẻ sĩ với vua, với nước: Trách nhiệm thiêng liêng của kẻ sĩ (người trí thức theo Nho học) đó là gánh vác đất nước, non sông, giúp vua “kinh bang tế thế” để trả món nợ công danh, thực hiện lí tưởng của chí nam nhi trong xã hội. Đã là kẻ sĩ xuất thân từ chốn của Khổng sâm Trình thì không thể khuất từ trách nhiệm lớn lao, cao cả ấy.

– Ngô Thì Nhậm triển khai luận điểm đầu tiên trong bài chiếu là để nhắc nhở kẻ sĩ Bắc Hà về trách nhiệm của hiền tài với vua, với nước, từ đó gợi thúc tinh thần trách nhiệm để thuyết phục họ giúp vua, giúp nước.

### Câu 3

**Yêu cầu:** Câu hỏi giúp HS phân tích trình tự sắp xếp luận điểm trong văn bản và tác dụng của cách sắp xếp ấy.

#### Gợi ý:

– Trình tự các luận điểm trong bài *Chiếu cầu hiền* không thể thay đổi được, bởi vì luận điểm trước chính là cơ sở, nền tảng lập luận cho luận điểm sau. Cụ thể: Luận điểm 1 nêu lên cơ sở về tư tưởng, có tác dụng gợi thúc tinh thần trách nhiệm của hiền tài với vua, với đất nước. Đó là nền tảng để triển khai luận điểm 2, trình bày những cơ sở thực tiễn, giúp hiền tài nhận ra tình hình hiện tại của đất nước để quyết tâm cống hiến, hoặc không còn tâm lí e ngại. Từ luận điểm 1 và luận điểm 2, tác giả mới có thể thuận lời trình bày luận điểm 3 nêu rõ đường lối cầu hiền của vua Quang Trung.

– Nhu vậy, cách sắp xếp luận điểm của bài *Chiếu cầu hiền* rất hợp lý, thuyết phục. Cách sắp xếp của bài chiếu đi từ cơ sở tư tưởng đến cơ sở thực tiễn, đến lời kêu gọi, vừa tác động vào nhận thức, vừa tác động vào tình cảm để thuyết phục hiền tài ra giúp nước.

### Câu 4

**Yêu cầu:** Câu hỏi giúp HS nhận biết một số yếu tố biểu cảm trong văn bản và nêu tác dụng của những yếu tố biểu cảm ấy.

#### Gợi ý:

– Một số yếu tố biểu cảm trong văn bản: hình ảnh so sánh (người hiền như sao sáng trên cao); cấu trúc điệp, liệt kê; câu hỏi tu từ, các từ chỉ cảm xúc, giọng điệu chân thành, tha thiết; lời đối thoại với người đọc;...

– Tác dụng của các yếu tố biểu cảm: cho thấy tình cảm của nhân vật “trẫm” (trân trọng người tài, lo nghĩ cho tình hình đất nước, tha thiết kêu gọi người tài ra giúp nước). Từ đó, tác động vào tình cảm của người đọc, giúp thực hiện mục đích của văn bản là thuyết phục người tài ra giúp nước.

## Câu 5

**Yêu cầu:** Đây là một câu hỏi liên hệ thực tế. Bạn trả lời dựa trên những gì rút ra được từ văn bản và dựa trên trải nghiệm của bản thân. Từ đó, bạn sưu tầm những tấm gương người hiền tài có đóng góp, cống hiến nổi bật cho xã hội.

## II. TIẾNG VIỆT

### Câu 1

**Yêu cầu:** Chỉ ra và nêu cách sửa lỗi không tách đoạn và lỗi tách đoạn tùy tiện trong các trường hợp đã cho.

a. Đoạn trích mắc lỗi *tách đoạn tùy tiện* vì đã tách đoạn khi chưa phân tích hết ý câu thơ *Bầu trời cảnh Bụt*.

Cách sửa: Không tách đoạn ngay sau câu “Toàn bài … ngẫu nhiên”.

b. Đoạn trích mắc lỗi *tách đoạn tùy tiện và không tách đoạn*. Người viết muốn đề cập đến hai ý: (1) “sự khác biệt của mùa thu này so với mùa thu đã xa” và (2) “niềm vui của nhà thơ, nguyên nhân làm nên vẻ đẹp sáng trong của mùa thu này”. Tuy nhiên, trong ngũ liệu đã cho, đoạn thứ nhất chưa triển khai xong ý thứ nhất, đoạn thứ hai lại bao gồm một phần ý thứ nhất và cả ý thứ hai.

Cách sửa:

Tất cả hình ảnh, âm thanh và màu sắc trong đoạn thơ này đều nhằm nói lên sự khác biệt của mùa thu này. Hình ảnh tươi mát, sống động: *gió thổi rì rì*, *tre pháp phơi*; âm thanh rộn rã: *nói cười thiết tha*; còn màu sắc thì *trong biếc*. Cái buồn, cái lạnh của “những ngày thu đã xa” giờ không còn nữa.

Chính niềm vui trong đôi mắt thi sĩ đã làm nên vẻ đẹp sáng trong của mùa thu này. Nguyên nhân của niềm vui ấy thật to lớn, sâu xa. Đó là nước nhà đã được độc lập, nhân dân ta đã là chủ nhân của đất nước. Nhà thơ muốn reo lên cùng niềm hạnh phúc tột cùng:

*Trời xanh đây là của chúng ta*

*Núi rừng đây là của chúng ta*

*Những cánh đồng thơm mát*

*Những ngả đường bát ngát*

*Những dòng sông đở nặng phù sa*

c. Đoạn trích mắc lỗi *tách đoạn tùy tiện* vì đã tách đoạn khi chưa phân tích hết ý thứ nhất “Chí Phèo là người nông dân lương thiện bị đẩy vào con đường lưu manh hoá”.

Cách sửa: Không tách đoạn ngay sau câu “Chí vốn là … bình dị”.

## Câu 2

*Yêu cầu:* Chỉ ra lỗi về mạch lạc và nêu cách sửa.

Văn bản mắc lỗi lạc chủ đề vì hai đoạn văn không tập trung vào cùng một chủ đề: đoạn (1) trình bày vẻ đẹp của thiên nhiên thông qua một số đoạn thơ và viết câu chuyển đoạn đặt ra vấn đề tìm hiểu về con người của đất nước thế nhưng đoạn (2) lại triển khai ý về quá khứ đau thương và anh hùng của lịch sử dân tộc.

Cách sửa: Viết lại nội dung đoạn (2) cho phù hợp với ý đã giới thiệu trong câu chuyển đoạn ở cuối đoạn (1).

Gợi ý viết lại đoạn (2):

Bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước còn thấm đẫm vẻ đẹp của những con người tuy vất vả, khổ đau nhưng tình cảm đậm đà, yêu thương gắn bó:

*Đất là nơi anh đến trường*

*Nước là nơi em tắm*

*Đất Nước là nơi ta hò hẹn*

*Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm*

(Mặt đường khát vọng)

Và nồng nàn biết bao tình quân dân gắn bó:

*Nhớ ôi Tây Tiến come lên khói*

*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

(Tây Tiến)

Câu thơ dường như không chỉ thoảng mùi xôi nếp mà còn ngát hương thơm của tình đồng chí, nghĩa đồng bào.

## III. VIẾT

**Bài tập:**

**Câu 1 và câu 2:** HS dựa vào SGK *Ngữ văn 10*, tập hai, tr.104 để trả lời.

**Câu 3:** Trình bày ngắn gọn các bước thực hiện bài luận dựa vào bảng sau:

**Gợi ý:**

Bước	Thao tác cần làm	Lưu ý
<i>Bước 1: Chuẩn bị viết</i>	<p><b>Xác định đề tài:</b> Xác định đặc điểm nổi bật của bản thân dựa vào những quan sát, ghi chép, nhận thức về chính mình, dựa vào ý kiến của những người xung quanh.</p> <p><b>Xác định mục đích viết và người đọc:</b> bằng cách trả lời câu hỏi “Bạn viết bài này nhằm mục đích gì?”, “Người đọc bài viết có thể là ai?”</p> <p><b>Thu thập tư liệu:</b> Thu thập tư liệu về bản thân và tư liệu về người đọc, môi trường, vị trí muốn ứng tuyển.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Có thể phác thảo các từ khoá thể hiện đặc điểm của bản thân; thực hiện ghi lại ý kiến của người khác về bản thân dựa vào bảng trong SGK.</li> <li>– Có thể tìm thông tin trên trang web của đơn vị, tổ chức hoặc liên hệ trực tiếp để có thông tin cụ thể.</li> </ul>
<i>Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</i>	<p><b>Tìm ý:</b> Từ các đặc điểm của bản thân, tìm ý để phân tích các bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.</p> <p><b>Lập dàn ý:</b> Sắp xếp các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hiện theo sơ đồ trong SGK.</li> </ul>
<i>Bước 3: Viết bài</i>	Thực hiện viết bài luận từ dàn ý đã lập.	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Giọng điệu chân thành, ngôn ngữ chuẩn mực.</li> <li>– Đảm bảo tính xác thực, tin cậy của bằng chứng.</li> <li>– Gắn kết thông tin cá nhân với trải nghiệm, câu chuyện của bản thân.</li> <li>– Sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ hỗ trợ.</li> </ul>
<i>Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Xem lại và chỉnh sửa bài luận về bản thân.</li> <li>– Ghi lại những kinh nghiệm bản thân rút ra sau khi viết bài luận.</li> </ul>	Thực hiện dựa vào bảng kiểm <i>kĩ năng viết bài luận về bản thân</i> trong SGK <i>Ngữ văn 10</i> , tập 2, tr.109.

**Câu 4:** a. Bạn tiến hành lập dàn ý cho bài luận theo đề bài đã cho. Trước khi lập dàn ý, cần lưu ý đến người đọc, mục đích viết dựa trên dữ kiện về tình huống giao tiếp đề cho. Cụ thể:

– Mục đích viết bài luận: ứng tuyển vào vị trí tình nguyện viên cho chương trình giao lưu quốc tế.

– Người đọc: ban tổ chức chương trình giao lưu quốc tế.

– Hình dung về vị trí ứng tuyển: Tình nguyện viên cho chương trình giao lưu quốc tế sẽ làm những công việc gì? Cần những phẩm chất, năng lực gì? Bản thân có đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện vai trò tình nguyện viên cho chương trình giao lưu quốc tế?

b. Từ dàn ý đã lập ở câu trên, bạn viết phần giới thiệu về bản thân. Gợi ý một số cách giới thiệu ấn tượng: mở đầu bằng một câu chuyện có tính biểu tượng, mở đầu bằng một danh ngôn, mở đầu bằng một trải nghiệm có ý nghĩa của bản thân, giới thiệu bản thân bằng những từ khoá ấn tượng,...

## IV. NÓI VÀ NGHE

### Bài tập

a. Gợi ý lựa chọn vấn đề (1)

– Đề tài thuyết trình: Biện pháp phòng, chống rác thải nhựa trong nhà trường.

– Mục đích nói: thuyết phục người nghe đồng tình, ủng hộ với các giải pháp mà bản thân nêu ra để phòng, chống rác nhựa trong nhà trường.

– Người nghe: ban giám khảo cuộc thi thuyết trình, thầy cô, bạn bè,...

– Không gian thuyết trình: hội trường hoặc sân trường.

– Thời gian thuyết trình: tùy theo quy định của cuộc thi.

b. Tìm ý và lập dàn ý

Để thu thập thông tin về vấn đề đã chọn, bạn cần vận dụng những hiểu biết, trải nghiệm của bạn về các biện pháp phòng, chống rác thải nhựa. Bạn có thể tìm ý bằng cách tự trả lời những câu hỏi sau:

– Tôi đã biết những biện pháp phòng, chống rác thải nhựa nào?

– Mỗi biện pháp khi đưa vào thực tế bộc lộ những ưu và nhược điểm gì?

– Hiện nay, biện pháp nào là hiệu quả nhất khi áp dụng vào trường học?

– Tôi có cách nào cải tiến những biện pháp đã có không?

– Thực trạng rác thải nhựa ở trường tôi hiện nay như thế nào? Tôi nên đề xuất biện pháp nào để phù hợp với thực trạng?

Ngoài ra, bạn cũng có thể thu thập thông tin từ các nguồn khác như: sách, báo, các bài viết và dự án bảo vệ môi trường đã được đăng tải trên Internet; phỏng vấn những cá nhân, tổ chức đã thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống rác thải nhựa;... Bạn cũng có thể tham khảo những đoạn video clip của Việt Nam và nước ngoài về những giải pháp phòng, chống rác thải nhựa đã và đang được thực hiện để học hỏi kinh nghiệm.

Sau khi tìm ý, bạn cần lập dàn ý. Việc phác thảo dàn ý chi tiết có thể dựa vào một số câu hỏi sau:

– Biện pháp mà tôi đề xuất để giải quyết vấn đề phòng, chống rác thải nhựa trong nhà trường là gì? / Tôi đưa ra những biện pháp nào để phòng, chống rác thải nhựa trong nhà trường?

– Những lí lẽ nào cần có để làm rõ cho những biện pháp mà tôi đề xuất?

– Những bằng chứng nào sẽ cung cấp cho quan điểm của tôi?

– Có thể có những quan điểm nào trái ngược với quan điểm của tôi? Tôi cần trao đổi lại như thế nào?

– Thông điệp/ lời kêu gọi hành động chính mà tôi muốn gửi đến người nghe qua bài thuyết trình là gì?

Bạn có thể lập dàn ý bằng cách điền vào bảng sau:

### 1. Mở đầu

– Giới thiệu vấn đề thuyết trình: .....

– Cung cấp kiến thức nền hoặc những thông tin giả thiết cần thiết về vấn đề: .....

– Chỉ ra những biện pháp phòng, chống rác thải nhựa trong trường học: .....

### 2. Nội dung chính

– Biện pháp thứ nhất:.....	– Lí lẽ và bằng chứng:.....
----------------------------	-----------------------------

– Những ý kiến phản bác người nghe có thể nêu: .....	– Cách trao đổi lại: .....
---	-------------------------------

### 3. Kết thúc

- Tóm tắt lại các giải pháp phòng, chống rác thải nhựa trong nhà trường đã trình bày.
- Đưa ra lời kêu gọi hành động.

c. Xem lại phần hướng dẫn trình bày bài nói và sử dụng bảng kiểm (bài 9) để tự đánh giá kĩ năng thuyết trình về một vấn đề xã hội có sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ.

Khi luyện tập, cần chú ý:

- Lựa chọn sử dụng một số phương tiện phi ngôn ngữ để tăng hiệu quả biểu đạt như: hình ảnh, sơ đồ, đoạn clip,... để minh họa cho các biện pháp đã đề xuất.

- Chuẩn bị trước những câu chào hỏi và cảm ơn sau khi thuyết trình.

- Luyện tập trả lời trôi chảy một số vấn đề mà người nghe có thể nêu ra.

d. Nếu bạn chọn vấn đề (1), người nghe có thể nêu những câu hỏi sau:

- Vì sao bạn cho rằng các biện pháp mà mình đưa ra có tính hiệu quả và khả thi?

- Để các biện pháp có thể áp dụng hiệu quả tại nhà trường, theo bạn, cần có những nguồn lực hỗ trợ nào?

- Bạn sẽ làm gì để hỗ trợ cho việc thực hiện các biện pháp phòng, chống rác thải nhựa này tại nhà trường?

- Theo bạn, nếu các biện pháp được thực hiện hiệu quả thì sẽ mang lại lợi ích gì cho môi trường của nhà trường?

Bạn nên lưu ý những điều sau về việc trả lời câu hỏi của người nghe:

- Bạn cần phác thảo câu trả lời ngắn gọn nhưng cụ thể cho các câu hỏi liên quan đến bài thuyết trình của mình.

- Về nội dung các câu trả lời, bạn lưu ý cần phân loại câu hỏi để có phương án trả lời sao cho phù hợp.

- + Đối với những câu hỏi về những gì bạn đã trình bày, bạn chỉ cần nhắc lại ngắn gọn nội dung và nhấn mạnh thêm những gì quan trọng.

- + Đối với những câu hỏi hơi xa vấn đề, bạn nên trả lời ngắn gọn, lịch sự, nhiệt thành. Bạn có thể chọn một khía cạnh của câu hỏi có liên quan trực tiếp đến vấn đề để trả lời nhằm thoả mãn phần nào băn khoăn của người hỏi.

---

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn  
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn  
trong cuốn sách này.*

---

***Chịu trách nhiệm xuất bản***

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI  
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

***Chịu trách nhiệm nội dung***

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

*Biên tập nội dung:* VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

*Biên tập mĩ thuật:* PHẠM HOÀI THƯƠNG

*Thiết kế sách:* NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

*Trình bày bìa:* THÁI HỮU DƯƠNG

*Sửa bản in:* VŨ TRỌNG THANH – PHAN THỊ BÍCH VÂN

*Chế bản:* CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

---

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

---

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

---

**BÀI TẬP NGỮ VĂN 10 – TẬP HAI (Chân trời sáng tạo)**

**Mã số: G2BH XV 002M22**

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1146-2022/CXBIPH/12-708/GD

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-32737-6



**HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH**

## BỘ BÀI TẬP LỚP 10 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- |  |  |
|--|--|
| 1. Bài tập<br>NGỮ VĂN 10, TẬP MỘT            | 9. Bài tập<br>HOÁ HỌC 10   |
| 2. Bài tập<br>NGỮ VĂN 10, TẬP HAI            | 10. Bài tập<br>SINH HỌC 10                                       |
| 3. Bài tập<br>TOÁN 10, TẬP MỘT               | 11. Bài tập<br>HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,<br>HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 1) |
| 4. Bài tập<br>TOÁN 10, TẬP HAI               | 12. Bài tập<br>HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,<br>HƯỚNG NGHIỆP 10 (BẢN 2) |
| 5. TIẾNG ANH 10<br>Friends Global - Workbook | 13. Bài tập<br>GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10                  |
| 6. Bài tập<br>LỊCH SỬ 10                     | 14. Bài tập<br>GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 10                 |
| 7. Bài tập<br>ĐỊA LÍ 10                      |  |
| 8. Bài tập<br>VẬT LÝ 10                      |  |

### Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem  
để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>  
và nhập mã số tại biểu tượng chìa khóa.



ISBN 978-604-0-32737-6



9 78604 327376

Giá: 13.000 đ